

Phần 1

ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Sự Cần Thiết Của Đề Tài

Từ đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đảng ta đã đề ra đường lối phát triển toàn diện, mọi mặt; trong đó, lấy sự nghiệp đổi mới kinh tế làm trọng, từng bước công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước trên cơ sở đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nông thôn, tích lũy vốn từ nông nghiệp để phát triển công nghiệp nhẹ rồi từng bước đẩy mạnh phát triển công nghiệp nặng, mà một trong những nội dung quan trọng là khẳng định vị trí kinh tế hộ nông dân. Bởi vì Việt Nam là một nước có nền nông nghiệp lâu đời với 80% dân số sống bằng nghề nông, nên nhu cầu về lương thực – thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ngày càng tăng. Do đó, việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là một vấn đề cấp bách và lâu dài để nhằm từng bước đưa nền nông nghiệp tự cấp tự túc sang nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường với sự quản lý vĩ mô của nhà nước.

Từ chủ trương đó, Nhà nước ta đã cố gắng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân như: xóa đói giảm nghèo, cho nông dân vay tiền không lấy lãi để làm nông nghiệp, đắp đê ngăn lũ... để nhằm khuyến khích kinh tế hộ phát triển, khuyến khích nông dân làm giàu chính đáng đã làm nảy sinh một hình thức tổ chức kinh tế mới ở nông thôn, đó là kinh tế trang trại.

Kinh tế trang trại là một hình thức tổ chức kinh tế phổ biến trong nền kinh tế nông nghiệp của các nước trên thế giới. Ở các nước này thì kinh tế trang trại đã hình thành từ lâu và rất phát triển. Riêng ở nước ta thì nó được hình thành và phát triển trước khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, nhưng do ảnh hưởng của chiến tranh nên nó chỉ dừng lại ở hình thức tự giác của người nông dân. Sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, nền kinh tế của nước ta từng bước được ổn định thì kinh tế trang trại cũng dần được định hình. Cho đến khi Đảng và nhà nước ta có chính sách đổi mới kinh tế mà nhất là sau khi nghị quyết X của bộ chính trị năm 1988 về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp và luật đất đai năm 1993 ra đời thì kinh tế trang trại phát triển với tốc độ và qui mô ngày càng cao. Sự ra đời và phát triển của kinh tế trang trại đã có các tác dụng tích cực thúc đẩy nền nông nghiệp hàng hóa phát triển ngày càng có quy mô lớn hơn, góp phần nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của phần lớn nông dân trên khắp mọi miền đất nước.

Trong những năm gần đây, Đồng Nai do điều kiện tự nhiên phong phú, đất đai màu mỡ, kinh tế trang trại của tỉnh cũng dần dần được củng cố và phát triển, góp phần làm thay đổi cục diện kinh tế của toàn tỉnh. Nhờ sự nhạy bén trong áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng các giống mới mà đã góp phần nâng cao năng suất, bảo đảm hàng hóa cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tăng thêm thu nhập, ổn định đời sống cho người nông dân.

Tuy nhiên, kinh tế trang trại là một loại hình kinh tế mới, ngoài những mặt tích cực như trên, cần phải đẩy mạnh nghiên cứu những vấn đề cấp bách, thiết thực của từng vùng, từng địa phương cụ thể, để có những giải pháp phát triển phù hợp, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những yếu tố tiêu cực có thể xảy ra, khuyến khích nông dân phát triển làm giàu cho chính mình. Do đó, để hiểu rõ hơn thực trạng và đề xuất những giải pháp thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển, chúng tôi cùng với Sở NN&PTNT và Cục Thống Kê tỉnh Đồng Nai tổ chức nghiên cứu đề tài: “ **THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI CỦA TỈNH ĐỒNG NAI**”.

1.2. Mục Đích Nghiên Cứu

_ Đánh giá thực trạng kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai về các mặt: đặc điểm, số lượng và sự phân bố, tình hình sử dụng đất đai, vốn và nguồn vốn, tình hình sử dụng và thu nhập của lao động, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh ...

_ Đánh giá những mặt tích cực và những khó khăn, hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển trang trại.

_ Đề xuất định hướng và giải pháp, nhằm phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn.

1.3. Nội Dung Nghiên Cứu

Đề tài dựa trên cơ sở luận về kinh tế trang trại, tiêu chí định lượng về kinh tế trang trại, những kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trang trại ở Việt Nam và trên thế giới, bằng phương pháp điều tra, khảo sát thực tế ... để nghiên cứu các nội dung sau đây:

_ Nghiên cứu đặc điểm của chủ trang trại về giới tính, dân tộc, thành phần, đoàn thể, trình độ, chuyên môn, ngành nghề.

_ Số lượng loại hình sản xuất của trang trại và sự phân bố chúng trên địa bàn tỉnh.

_ Tình hình sử dụng đất đai của các trang trại.

_ Thực trạng vốn và nguồn vốn của chủ trang trại.

- _ Tình hình sử dụng lao động trong các trang trại.
- _ Thực trạng thu nhập của lao động thuê ngoài ở các trang trại.
- _ Kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của một số trang trại.
- _ Đánh giá những mặt tích cực và những khó khăn, hạn chế đến sự phát triển kinh tế trang trại của tỉnh.
- _ Đề xuất định hướng và các giải pháp, nhằm phát triển kinh tế trang trại tỉnh Đồng Nai.

1.4. Phạm Vi Nghiên Cứu

_ Điều tra, khảo sát, nghiên cứu toàn bộ trang trại trên địa bàn tỉnh theo Nghị Quyết 03/2000/NQ-CP của Chính Phủ về kinh tế trang trại và Thông Tư 69 Liên Bộ Nông Nghiệp & PTNT và Tổng Cục Thống Kê về tiêu chí trang trại.

_ Điều tra chọn mẫu phân tầng, để xác định kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của một số loại hình trang trại trên địa bàn.

Phần 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ Sở Lý Luận

2.1.1. Khái Niệm Về Kinh Tế Trang Trại

Theo nghị quyết số 03/2000/NQ-CP của Thủ tướng chính phủ ngày 02/02/2000 về kinh tế trang trại như sau:” Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, trồng rừng, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thuỷ sản”.

2.1.2. Những Đặc Trưng Chủ Yếu Của Kinh Tế Trang Trại

Theo công văn số 216/KTTW, ngày 04/09/1998 của Ban kinh tế Trung ương về báo cáo kết quả hội nghị nghiên cứu kinh tế trang trại đã sơ bộ xác định các đặc trưng chủ yếu để nhận dạng của kinh tế trang trại ở nước ta hiện nay là:

- Trang trại là một hình thức tổ chức kinh tế trong nông, lâm, ngư nghiệp, được hình thành trên cơ sở kinh tế hộ nhưng mang tính chất sản xuất hàng hóa

rõ rệt, đạt khối lượng và tỷ lệ sản phẩm hàng hoá lớn hơn và thu được lợi nhuận nhiều hơn.

- Mục đích chủ yếu của kinh tế trang trại là sản xuất nông sản phẩm hàng hoá theo nhu cầu thị trường.
- Tư liệu sản xuất trong trang trại thuộc quyền sở hữu hay sử dụng của một người chủ. Trang trại hoàn toàn có quyền tự chủ trong tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Các yếu tố sản xuất của trang trại trước hết là ruộng đất và tiền vốn được tập trung với qui mô nhất định theo yêu cầu phát triển sản xuất hàng hoá.
- Lao động chính trong các trang trại chủ yếu là Chủ trang trại và những người trong gia đình (là những người có quan hệ huyết thống hay hôn nhân với nhau) và có thuê mướn lao động theo hình thức công nhật hay thời vụ.
- Chủ trang trại là người có ý chí làm giàu, có vốn, có năng lực tổ chức quản lý, có kiến thức và kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, đồng thời có hiểu biết nhất định về kinh doanh và nắm bắt nhu cầu thị trường.
- Trang trại có cách tổ chức và quản lý sản xuất tiên bộ dựa trên cơ sở chuyên môn hoá sản xuất, thâm canh, ứng dụng tiên bộ khoa học-công nghệ, thực hiện hạch toán, điều hành sản xuất hợp lý và thường xuyên tiếp cận thị trường.
- Phương thức khai thác đất đai bằng chính sức lao động trực tiếp và kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của gia đình.
- Kinh tế trang trại mang bản chất kinh tế hai mặt của kinh tế hộ nông dân: vừa là đơn vị sản xuất mang tính chất gia đình (lao động gia đình là trụ cột, là yếu tố để phân biệt trang trại gia đình với các loại hình trang trại khác) vừa mang dáng dấp của một loại hình doanh nghiệp tư nhân một chủ.
- Kinh tế trang trại còn có đặc trưng thể hiện sự phát triển cao hơn về chất so với kinh tế nông hộ. Điểm khác chủ yếu giữa kinh tế nông hộ với kinh tế trang trại là mục tiêu và qui mô sản xuất hàng hóa. Sản xuất hàng hóa là đặc trưng của bản chất kinh tế trang trại.

2.1.3. Tiêu Chí Định Lượng Để Xác Định Kinh Tế Trang Trại Ở Nước Ta Hiện Nay

Thi hành Nghị quyết của Chính phủ về kinh tế trang trại, ngày 23/06/2000. Liên bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn và Tổng cục Thống kê đã ban hành thông tư

liên tịch số 69/2000/TTLT/BNN-TCTK hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại như sau:

2.1.3.1. Giá Trị Sản Lượng Hàng Hoá Và Dịch Vụ Bình Quân Hàng Năm

- _ Đối với các tỉnh phía Bắc và huyện Duyên hải miền Trung từ 40 triệu trở lên.
- _ Đối với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên từ 50 triệu trở lên.

2.1.3.2. Qui mô sản xuất

_ Đối với trang trại trồng trọt:

(1) Trang trại trồng trọt hàng năm:

- Từ 2 ha trở lên đối với các tỉnh phía Bắc và Duyên hải miền Trung.
- Từ 3 ha trở lên đối với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên.

(2) Trang trại trồng cây lâu năm:

- Từ 5 ha trở lên đối với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên.
- Trang trại Tiêu 0,5 ha trở lên.

(3) Trang trại Lâm nghiệp từ 10 ha trở lên.

_ Đối với trang trại chăn nuôi:

(1) Chăn nuôi gia súc: Trâu, bò

- Sinh sản lấy sữa 10 con trở lên.
- Lấy thịt 50 con trở lên.

(2) Chăn nuôi gia súc lợn dê...

- Heo sinh sản 20 con , dê sinh sản 100 con trở lên.
- Heo thịt 100 con, dê 200 con trở lên.

(3) Chăn nuôi gia cầm các loại từ 2000 con trở lên.

- Đối với trang trại nuôi trồng thủy sản: có diện tích 2 ha trở lên (đối với nuôi tôm thịt theo công nghiệp từ 1 ha trở lên).
- Đối với các trang trại đặc thù: như trồng hoa, cây cảnh đặc sản thì tiêu chí xác định dựa vào giá trị sản xuất hàng hóa.

2.1.4. Vai Trò Kinh Tế Trang Trại Trong Sự Phát Triển Của Nền Nông Nghiệp Nhiều Thành Phần Hiện Nay Ở Việt Nam

Ở các nước phát triển, trang trại gia đình là loại hình trang trại chủ yếu, có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống kinh tế nông nghiệp, có vai trò to lớn và quyết định trong sản xuất nông nghiệp, là lực lượng sản xuất ra phần lớn sản phẩm nông nghiệp

trong xã hội, tiêu thụ sản phẩm cho các ngành công nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho chế biến và thương nghiệp.

Trong điều kiện nước ta, vai trò và hiệu quả phát triển của kinh tế trang trại phải được đánh giá, nhìn nhận trên cả ba mặt: hiệu quả về mặt kinh tế, hiệu quả về mặt xã hội, và hiệu quả về mặt bảo vệ môi trường.

Vai trò này thể hiện rõ nét các vấn đề chủ yếu sau đây:

- Vai trò thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, góp phần đưa sản xuất nông nghiệp lên công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Kinh tế trang trại là một bước phát triển mới của nền sản xuất xã hội, là nhân tố mới ở nông thôn, là động lực mới, nối tiếp và phát huy động lực kinh tế hộ nông dân, là sự đột phá trong bước chuyển qua sản xuất nông nghiệp hàng hoá, tạo ra sức sản xuất mới, có khả năng và đã tạo ra khối lượng lớn về nông sản hàng hoá đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Kinh tế trang trại làm ra sản phẩm để bán theo yêu cầu của thị trường, nên kích thích sản xuất và đòi hỏi cạnh tranh để tồn tại, phát triển. Để giành thắng lợi trong cạnh tranh, các trang trại phải nâng cao năng suất lao động, phải nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Muốn vậy các trang trại phải biết đầu tư qui mô sản xuất hợp lý, đầu tư khoa học công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị, tăng cường quản lý..., như vậy kinh tế trang trại đã góp phần thúc đẩy nhanh việc sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp nông thôn.

Sự tập trung sản xuất đòi hỏi các trang trại phải sử dụng máy móc để sản xuất, cơ giới hoá khâu làm đất và vận chuyển sản phẩm, cơ khí hoá khâu thu hoạch, khâu bơm nước tưới, chủ động nguồn nước tưới, điện,... Như vậy, kinh tế trang trại đã tạo điều kiện để đưa nông nghiệp đi dần vào công nghiệp hoá, hiện đại hóa, tạo tiền đề đi lên sản xuất hàng hóa lớn.

- Vai trò chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hình thành quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp và nông thôn.

Sự hình thành và phát triển kinh tế trang trại ở nước ta hiện nay là xu hướng tất yếu của tập trung hóa, chuyên môn hóa và thị trường hóa sản xuất trong nông nghiệp, góp phần tích cực trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hoá cao, khắc phục dần tình trạng manh mún, phân tán, tạo nên những vùng chuyên canh hóa, tập trung hàng hóa và thâm

canh cao, tạo điều kiện thúc đẩy công nghiệp phát triển nhất là công nghiệp chế biến, thương mại và dịch vụ, góp phần làm nông thôn phát triển, tạo thu nhập ổn định trong một bộ phận dân cư làm nông nghiệp.

Nhiều chủ trang trại đã đầu tư hoặc tự giác hợp tác với nhau để đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị công nghiệp để chế biến sản phẩm tạo ra những bán thành phẩm nông sản hàng hóa cung cấp đầu vào cho các cơ sở chế biến hàng xuất khẩu lớn hơn của Nhà nước.

Một số doanh nghiệp Nhà nước đã hợp tác với các trang trại, thực hiện đầu tư ứng trước vốn trên cơ sở diện tích cho chủ trang trại, bao tiêu toàn bộ sản phẩm tạo thế chủ động về nguồn nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh.

Một số lâm trường quốc doanh đã khoán khoán nuôi, bảo vệ, chăm sóc rừng cho nhân dân.

Điều này đã tạo ra sự phân công và hợp tác, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo khuynh hướng công nghiệp hoá hiện đại hóa.

- Vai trò huy động, khai thác các nguồn lực trong dân, giải quyết việc làm cho lao động xã hội, làm giàu cho nông dân, làm giàu cho đất nước.

Kinh tế trang trại là sự đột phá trong bước chuyển sang sản xuất nông nghiệp hàng hoá, lấy việc khai thác tiềm năng và lợi thế so sánh phục vụ nhu cầu xã hội làm phương thức chủ yếu, nên các trang trại đang nỗ lực tìm mọi biện pháp để phát huy tiềm năng đất đai, huy động và khai thác được nguồn lực về vốn, lao động, kinh nghiệm và kỹ thuật trong dân một cách đầy đủ, hợp lý và có hiệu quả để mở rộng và phát triển sản xuất, tăng thêm lợi nhuận. Sự tích tụ, tập trung đất đai và vốn đầu tư cho sản xuất của các trang trại ngày một lớn hơn.

Chủ trang trại tận dụng mọi nguồn lao động trong gia đình là chính. Song trang trại nào cũng phải thuê từ 3 - 5 lao động thường xuyên và một đến vài ngàn ngày công lao động thời vụ.

Kinh tế trang trại đòi hỏi đầu tư lớn để sản xuất ra nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nên có tổng doanh thu lớn, nộp thuế cho nhà nước khá nhiều. Ví dụ, tính chung cho khu vực kinh tế trang trại của các tỉnh vùng Đông Nam Bộ, mỗi năm nộp cho nhà nước ước tính khoảng 3.000 tỷ đồng tiền thuế. Mức và tỉ lệ đóng góp của các trang trại cho nhà nước và cho cộng đồng chưa nhiều, nhưng đã và đang mở ra khả năng tăng nhanh những năm tới. Điều đáng khích lệ là, nguồn đóng góp

này được tạo ra trên những vùng đất xấu, khí hậu khắc nghiệt và chủ yếu bằng nguồn vốn đầu tư của các Chủ trang trại gốc nông dân.

Ngoài việc góp phần làm giàu đất nước, kinh tế trang trại đã mở ra khả năng làm giàu cho các hộ gia đình nông dân. Kết quả và hiệu quả kinh tế - xã hội rõ nét nhất là các chủ trang trại đã biến những vùng kinh tế trù phú, mang đậm tính chất sản xuất hàng hóa quy mô lớn, đầu tư cao, phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống và sinh hoạt của nông dân, tận dụng sức lao động, tạo việc làm cho dân để phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tạo thêm nhiều của cải vật chất cho xã hội và làm giàu đất nước, cho chính bản thân của mình.

- Vai trò sử dụng hiệu quả và bảo vệ tài nguyên đất đai.

Bên cạnh lợi ích về kinh tế, Nhà nước và cộng đồng còn thu được lợi ích về tài nguyên và môi trường. Phát triển kinh tế trang trại đã góp phần khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nông nghiệp (đất, mặt nước, khí hậu, thời tiết), đưa đất đai hoang hóa vào phát triển sản xuất, nhất là vùng trung du, miền núi và ven biển. Ngoài ra, trang trại còn góp phần tăng nhanh diện tích rừng bao phủ, bảo vệ môi trường, sinh thái thông qua việc trồng và bảo vệ rừng, tận dụng mặt nước nuôi trồng thủy sản...

Từ những phân tích trên, có thể nhìn nhận một cách tổng quát là:

- Kinh tế trang trại tuy mới xuất hiện và còn là một lực lượng sản xuất nhỏ bé, nhưng đang góp phần đáng kể vào phát huy nội lực, khơi dậy tiềm năng lao động, đất đai, vốn trong dân vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn.

- Phát triển kinh tế trang trại ở nước ta hiện nay là rất cần thiết, đúng hướng. Kinh tế trang trại giữ vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, đang trở thành một hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu, một mô hình làm ăn kinh tế phổ biến, có hiệu quả và không lâu sẽ trở thành một bộ phận kinh tế quan trọng ở nước ta. Nhưng trên thực tế, xã hội chưa có thống nhất nhận thức về vai trò, vị trí của kinh tế trang trại, làm cho chủ trang trại chưa yên tâm, gặp nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức sản xuất và giao dịch trên thương trường. Vì vậy cần phải khuyến khích, tạo điều kiện cho kinh tế trang trại phát triển như một tổ chức kinh tế có đầy đủ tư cách pháp nhân, theo quy định của pháp luật.

- Kinh tế trang trại là một bộ phận của nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định

hướng xã hội chủ nghĩa, nên nó cũng được hưởng tất cả chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp; đồng thời, kinh tế trang trại cũng phải làm tất cả nghĩa vụ mà các thành phần kinh tế khác trong nông nghiệp phải làm. Ngoài ra, kinh tế trang trại mang nhiều yếu tố sản xuất hàng hoá lớn, sẽ gánh vác vai trò lịch sử của nó là thực hiện sự phân công sâu sắc hơn và hợp tác rộng hơn, cùng với các thành phần, lĩnh vực kinh tế khác trong phát triển sản xuất nông- lâm- ngư nghiệp, chế biến nông sản thực phẩm, mở mang ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn theo cơ cấu hợp lý, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

- Sự ra đời, hiệu quả hoạt động kinh tế trang trại ở Việt Nam tuy đã khẳng định được bước đầu những ưu thế và vai trò của nó đó đối với sự tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội nhưng kéo theo đó cũng nảy sinh nhiều vấn đề cần được khắc phục, đó là:

- _ Cùng với sự phát triển của kinh tế trang trại thì sự phân cực và những bất bình đẳng trong nông nghiệp- nông thôn cũng có xu hướng gay gắt thêm mà nổi bật là hố sâu của sự giàu nghèo, sự chênh lệch lớn trong hưởng thụ những thành quả mà tăng trưởng và đổi mới mang lại.

- _ Sự tích tụ ruộng đất khá lớn vào tay một số người. Phát triển kinh tế trang trại tất yếu sẽ dẫn đến tích tụ và tập trung ruộng đất. Điều cần lưu ý là Vấn đề ruộng đất không phải chỉ là vấn đề kinh tế thuần nhất, mà còn là vấn đề ý nghĩa trọng yếu về chính trị - xã hội.

- _ Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh chứ không phải là tổ chức kinh tế xã hội. Do đó, cần tránh sự nhìn nhận thái quá, từ đó, ép “đề non” ra những trang trại, hoặc “phong trào hoá” kinh tế trang trại.

- _ Có thái độ phủ nhận những loại hình tổ chức kinh doanh khác đang tồn tại, phát sinh tác dụng tích cực trong nông nghiệp, nông thôn như kinh tế hộ, kinh tế hợp tác.

- _ Coi nhẹ ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình phát triển kinh tế trang trại.

2.2. Cơ Sở Thực Tiễn

2.2.1. Kinh Tế Trang Trại Ở Việt Nam

Quá trình hình thành và phát triển kinh tế trang trại của nước ta trải qua nhiều giai đoạn lịch sử của đất nước. Trước cách mạng và trong thời kì chống Pháp và chống Mỹ đã có dạng trang trại, đồn điền của địa chủ và phú nông. Dạng trang trại này chủ

yếu là sử dụng lao động làm thuê từ tá điền, cũng là kiểu phát canh thu tô và công cụ sản xuất thủ công, sử dụng sức người sức vật là chính. Ngoài ra, nó còn mang tính quảng canh và độc canh cây lúa là chính.

Bên cạnh đó, còn có kinh tế trang trại của những nhà tư sản trong nước và nước ngoài cũng như một số tướng lĩnh thời nguy làm ăn kinh tế. Hình thức trang trại lúc này ở dạng các xí nghiệp nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, đồn điền cao su, cà phê và những cây công nghiệp khác phục vụ cho mục đích làm giàu của chúng.

Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng (30/04/1975) các trang trại trước đó không còn nữa và được cải tạo, tập thể hóa, quốc doanh hóa thành các cơ sở sản xuất tập thể và nhà nước dưới hình thức hợp tác xã, nông trường, trạm, trại. Tiếp theo đó, nhà nước đã có những chủ trương mới về giao đất, giao rừng, thực hiện nông lâm kết hợp, khuyến khích di dân kinh tế mới, khai hoang đất mới... đã tạo tiền đề cho kinh tế trang trại phát triển. Đặc biệt, nghị quyết 10 của Bộ chính trị khoá VI và nghị quyết TW 5 khoá VII cũng như luật đất đai năm 1993 đã mở đường cho các thành phần kinh tế nông nghiệp phát triển và từ đó xuất hiện nhiều chủ trang trại. Bước sơ khai của kinh tế trang trại trong giai đoạn này mang tính tự phát và đến nay đã được Trung ương quan tâm(từ hội nghị TW 4 khoá VIII).

Chính phủ đã ban hành nghị quyết 03/2000/NQ - CP ngày 02/02/2000 về kinh tế trang trại đã nhấn mạnh chủ trương của Chính phủ trong việc phát triển kinh tế trang trại. Tạo điều kiện hợp pháp cho loại hình kinh tế trang trại phát huy năng lực sản xuất, kinh doanh thông qua các chính sách ưu đãi về nhiều mặt đối với kinh tế trang trại.

Mặt khác, hình thành các tiêu chí kinh tế trang trại nhằm tạo điều kiện quản lý, hỗ trợ và khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Như vậy sự hình thành kinh tế trang trại ở nước ta là sự vận động thoát thai từ kinh tế nông hộ gắn liền với quá trình đổi mới của đất nước và quá trình hình thành kinh tế trang trại chứa đựng những đặc điểm sau đây:

Những đặc điểm về quá trình phát triển kinh tế trang trại ở nước ta

_ Sự hình thành kinh tế trang trại diễn ra với tốc độ nhanh, chủ yếu là những năm đổi mới, nhất là thời gian gần đây khả năng phát triển mạnh. Quá trình này hàm chứa xu hướng phát triển kinh tế hàng hoá, đi lên sản xuất lớn trong nông nghiệp, hướng đến thị trường là xu thế hợp với quy luật phát triển.

_ Có nhiều thành phần kinh tế trong xã hội tham gia kinh tế trang trại nhưng nền tảng chủ yếu hình thành kinh tế trang trại là do vận động kinh tế hộ gia đình nông dân. Điều đó cho thấy chủ trang trại có trang trại có năng lực thực sự để đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng hoá hướng đến người tiêu dùng và có khả năng trong quản lý, điều hành sản xuất cũng như áp dụng các tiến bộ mới vào sản xuất của họ nhằm đáp ứng nhu cầu nông sản hàng hóa cho xã hội.

_ Các trang trại đều có điểm xuất phát chung là hình thành và đi lên từ đất đai, chủ yếu là đất rừng và hoang hoá ở vùng đồi núi và vùng Đồng Tháp Mười, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Một số không nhỏ được hình thành từ quá trình tích tụ và tập trung đất đai vượt hạn điền, nhưng không phải tước đoạt, mua bán mà chủ yếu thông qua sự điều tiết bởi các chính sách của nhà nước thể hiện ở luật đất đai như giao quyền sử dụng đất, giao khoán đất, đấu thầu cho thuê,....

2.2.2. Kinh Nghiệm Phát Triển Kinh Tế Trang Trại Của Một Số Nước Trên Thế Giới

Nền nông nghiệp đã tồn tại hàng ngàn năm và phát triển với phương thức kinh doanh đa dạng, phong phú bởi sự không thuần nhất của cây trồng, vật nuôi có quá trình sinh trưởng, phát triển theo quy luật sinh học, trên các nền tự nhiên, xã hội khác nhau. Hình thức kinh tế trang trại đã manh nha và phát triển qua các giai đoạn lịch sử xã hội.

Trang trại gia đình là loại hình cơ sở sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình nông dân, hình thành và phát triển trong điều kiện của nền kinh tế thị trường từ khi phương thức sản xuất tư bản thay thế phương thức sản xuất phong kiến, khi bắt đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở một số nước châu Âu.

Về kinh tế nông hộ, C.Mác khi nghiên cứu tình hình kinh tế- xã hội của các nước Tây Âu, đặc biệt là nước Anh, một nước tiến hành công nghiệp hóa sớm, lúc đầu C.Mác dự đoán trong nông nghiệp cũng phát triển theo hướng tập trung như công nghiệp, giai cấp nông dân sẽ bị xóa bỏ cùng với sự phát triển của đại công nghiệp. Ông viết: “ Trong lĩnh vực nông nghiệp, đại công nghiệp tác động cách mạng hơn cả theo nghĩa nó thủ tiêu thành trì của xã hội cũ là người nông dân và thay thế nó bằng người công nhân làm thuê ”. [C.Mác. Tư bản. Quyển1, tr631].

Tuy nhiên sau đó, sự phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn có quy luật riêng của nó, bất chấp xu hướng ban đầu diễn ra trong thời kì công nghiệp hoá nhanh chóng ở nước Anh, trang trại gia đình vẫn tỏ ra sức sống mãnh liệt với hiệu quả của

nó. Từ đó, khi viết quyển III bộ tư bản, C.Mác đã rút ra kết luận :” Ngay những nước siêu công nghiệp...đã khẳng định hình thức lõi nhất không phải là trang trại công nghiệp mà là trang trại gia đình không sử dụng lao động làm thuê. Ở những nước còn giữ hình thức tư hữu chia đất thành khoảnh nhỏ, giá lúa mì rẻ hơn so với các nước có nền sản xuất tư bản chủ nghĩa”. [C.Mác. Tư bản, quyển 3, tr265].

V.I.Lê Nin khi bàn về sự lựa chọn con đường phát triển nông nghiệp của nước Nga trong tác phẩm” Sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở nước Nga” đã phân tích đời sống chính trị- kinh tế của các tầng lớp xã hội, phân tích sự phân hoá và phân tầng của nông dân thành chủ trại và vô sản ở nông thôn và dự đoán xu hướng phát triển” Tính thuần nhất của kinh tế tự nhiên khuôn theo nếp cũ đã nhường chỗ cho tính muôn màu, muôn vẻ của những hình thức nông nghiệp thương phẩm”. [V.I.Lê Nin toàn tập. Sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở nước Nga. Tr 388].

Kinh tế trang trại ở nhiều nước trên thế giới đã trải qua quá trình phát triển hàng năm với đặc điểm khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế- xã hội chính trị truyền thống ở từng nước và ngày càng trở thành nhân tố tích cực thúc đẩy sản xuất phát triển.

Từ những đặc điểm của quá trình hình thành và phát triển đó, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm đó là:

- Một là: Quá trình phát triển trang trại ở hầu hết các nước trên thế giới(các nước công nghiệp phát triển cũng như các nước đang phát triển) đều có xu hướng chung là:

- Kinh tế trang trại là một trong những biểu hiện văn minh kinh tế trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đã xuất hiện ở một số nước trên thế giới vào thời kỳ kinh tế hàng hóa bắt đầu được vận hành theo cơ chế thị trường. Cho đến nay kinh tế trang trại đã phát triển hầu hết các nước có sản xuất nông - lâm nghiệp và trở thành mô hình sản xuất phổ biến nhất của nền nông nghiệp thế giới.

- Trang trại là loại hình tổ chức sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình nông dân, phù hợp gắn liền với quá trình công nghiệp hóa từ thấp đến cao. Kinh tế trang trại là sự phát triển tất yếu của nền nông nghiệp và là sản phẩm tất yếu của kinh tế thị trường và của quá trình công nghiệp hóa. Chính công nghiệp hóa đã đặt yêu cầu khách quan cho phát triển sản xuất nông sản hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa và tạo ra những điều kiện cho kinh tế trang trại hình thành và phát triển.

- Các trang trại gia đình được hình thành chủ yếu từ cơ sở của các hộ tiểu nông sau khi phá vỡ cái vỏ bọc sản xuất tự cấp, tự túc khép kín, vươn lên sản xuất nhiều nông sản hàng hoá với qui mô từ nhỏ đến lớn, tiếp cận với thị trường, từng bước thích nghi với nền kinh tế cạnh tranh. So với kinh tế tiểu nông thì kinh tế trang trại là một bước phát triển của nền sản xuất xã hội.

- Trải qua hàng thế kỷ nay, trang trại tiếp tục phát triển từ các nước tư bản công nghiệp lâu đời, đến các nước đang phát triển, các nước công nghiệp mới và bắt đầu đi vào các nước xã hội chủ nghĩa với các cơ cấu và qui mô sản xuất khác nhau.

- Con đường đi từ kinh tế tự nhiên sang kinh tế hàng hóa, từ sản xuất tiểu nông sang sản xuất trang trại, không phải là sản phẩm riêng của các nước công nghiệp hoá tư bản chủ nghĩa, mà là bước phát triển tất yếu của xã hội, phù hợp với qui luật tiến hóa chung của loài người. Kinh tế trang trại không quyết định bản chất của một chế độ xã hội. Chưa có dấu hiệu tư bản hóa loại hình kinh tế trang trại. Khi chủ nghĩa tư bản phát triển, hình thành nên thị trường sản xuất hàng hoá phát triển, một bộ phận lao động nông nghiệp trở thành lao động làm thuê nhưng trang trại vẫn tồn tại và phát triển.

- Đến thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX, trang trại trở thành mô hình sản xuất phổ biến nhất của nền nông nghiệp thế giới, chiếm tỷ trọng lớn tuyệt đối về đất canh tác và khối lượng nông sản làm ra. Theo Nguyễn Điền, Trần Đức, Trần Huy Năng, 1993 thì:

- Trên thế giới hiện nay có khoảng trên 300 triệu trang trại gia đình (ở Mỹ có khoảng 96- 98% trang trại là trang trại gia đình). Hiện nay ở các nước tư bản phát triển, trang trại gia đình chỉ chiếm 5- 7% lao động toàn xã hội nhưng vẫn sản xuất nông sản nuôi sống cả xã hội. Kinh tế trang trại gia đình đã có sự thích nghi với điều kiện phát triển của chủ nghĩa tư bản phát triển.

- Kinh tế trang trại có thể và có điều kiện phát triển ở tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh nông nghiệp(nông, lâm, ngư nghiệp) và tất cả các vùng khác nhau (đồi núi, đồng bằng, ven biển,...).

- Ở hầu hết các nước, trang trại là hình thức tổ chức sản xuất giữ vị trí xung kích trong quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn và trở thành lực lượng chủ lực khi nền kinh tế phát triển đến giai đoạn cao. Thực tiễn đã chứng tỏ rằng kinh tế trang trại có vai trò quan trọng ở các nước đang phát triển (Hàn Quốc, Đài Loan,...) và đang tiếp tục phát huy tác dụng ở những nước có nền kinh tế thị trường phát triển cao (Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản,...). Kinh tế trang trại gia đình đã thể hiện rõ vai trò tích cực trong

quá trình phát triển nông nghiệp thế giới, thúc đẩy ngành sản xuất nông sản hàng hóa và đưa nền nông nghiệp tiến lên hiện đại.

- Trong thời kì bắt đầu công nghiệp hóa, lao động ở nông thôn tăng nhiều, nhưng khả năng còn thấp, thì số lượng trang trại gia đình tiếp tục tăng nhiều, quy mô nhỏ. Khi công nghiệp phát triển đạt trình độ cao, khả năng thu hút lao động của công nghiệp và dịch vụ tăng thì số lượng trang trại giảm, quy mô lại tăng.

Ở hầu hết các nước, trang trại là hình thức tổ chức sản xuất xung kích trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và trở thành lực lượng chủ lực của nền kinh tế phát triển của trình độ cao. Thực tiễn đã chứng tỏ rằng kinh tế trang trại có vai trò quan trọng ở các nước kinh tế đang phát triển (Hàn quốc, Đài loan ..) và đang phát huy tác dụng ở những nước có nền kinh tế thị trường phát triển cao (Mĩ, Nhật, Tây âu ..). kinh tế trang trại đã thể hiện rõ vai trò tích cực trong phát triển nông nghiệp thế giới, thúc đẩy nhanh sản xuất nông sản hàng hoá và đưa nền nông nghiệp tiến lên hiện đại.

- Trong thời kì bắt đầu công nghiệp hóa, lao động ở nông thôn tăng nhiều, nhưng khả năng còn thấp, thì số lượng trang trại còn tăng nhiều, quy mô nhỏ. Khi công nghiệp phát triển đến trình độ cao, khả năng thu hút lao động của công nghiệp cao thì số lượng trang trại giảm, quy mô lại tăng.

Theo Nguyễn Điền, Trần Đức, Trần Huy Năng, 1993 thì:

Ở những vùng đất mới như Châu Mĩ và Châu Úc thì quy mô trang trại lại rất lớn. Như ở Mĩ, mỗi trang trại có diện tích bình quân từ 180 -200 ha, ở Canada là 400 - 450 ha, ở Úc là 500 ha, thậm chí hàng nghìn ha...vv...Họ gọi là trang trại, nhưng thực chất đó là những đồn điền được nhà nước khuyến khích, bảo vệ bằng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh

Ở Mỹ, năm 1950 có 5.648.000 trang trại với diện tích bình quân là 86 ha/ trang trại còn 2.954.000 là trang trại với diện tích bình quân 151 ha / trang trại và đến năm 1992 còn 1.925.000 trang trại có diện tích bình quân là 198 ha / trang trại. Về cơ cấu sản xuất, trang trại sản xuất ngũ cốc chiếm phần lớn, ngoài ra còn có trang trại sản xuất khoai tây... chăn nuôi bò sữa và gia cầm nhưng thành tựu chủ yếu của nền nông nghiệp Mĩ là nhờ kinh tế trang trại.

Ở Anh, năm 1950 có 453.000 trang trại với diện tích bình quân là 36 ha, đến năm 1987 còn 254.000 trang trại với diện tích bình quân là 71 ha/trang trại.

Ở Pháp, năm 1955 có 2.285.000 trang trại với diện tích bình quân là 14 ha/trang trại, đến năm 1993 có 801.400.000 trang trại với diện tích bình quân là 35.1 ha/ trang trại, hiện nay có 952.000 trang trại với diện tích bình quân là 19 ha /trang trại.

Ở Đức, năm 1960 có 1.709.000 trang trại với diện tích bình quân là 10 ha/trang trại, đến năm 1985 còn có 983.000 trang trại với diện tích bình quân là 15 ha/trang trại.

Ở Châu Á, chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm luôn là một cản ngại đối với phát triển kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường. Do vậy, kinh tế trang trại cũng xuất hiện muộn hơn và có quy mô nhỏ hơn ở Châu Âu, Châu Mỹ, nhiều nghiên cứu cho thấy quy mô trang trại nhỏ ở Châu Á chiếm từ 60 -70 % về số lượng, canh tác 30% diện tích và sản xuất 35% tổng sản phẩm nông nghiệp.

Ở Nhật Bản, trang trại gia đình có vai trò quan trọng trong ngành nông nghiệp, bảo đảm lương thực thực phẩm cho xã hội. Nhật Bản có xu hướng mở rộng quy mô trang trại lên 10 - 20 ha nhưng vẫn chưa thể thực hiện được. Năm 1970, ở Nhật bản có 5.342.000 trang trại có diện tích bình quân là 1.1 ha / trang trại đến năm 1993 còn 3.691 trang trại với diện tích bình quân là 1.38 ha / trang trại.

Ở Đài loan có các loại hình trang trại tự canh tác, thuê đất, uỷ thác theo quy mô đất đai, có loại trung bình từ 1 - 2 ha, vừa từ 3 -5 ha lớn từ 5 -10 ha. Năm 1970, Đài Loan có 916.000 trang trại với diện tích bình quân là 0.38 ha/trang trại, đến năm 1998 còn 739.000 trang trại có diện tích bình quân là 1.21 ha / trang trại.

Ở Hàn quốc năm 1965 có 2.507.000 trang trại có diện tích bình quân là 0.90 ha / trang trại đến năm 1979 còn 1.772.000 trang trại có diện tích bình quân là 1.20 ha/trang trại. Trang trại dưới 0.5 ha chiếm 29.7% từ 0.5 - 1 ha chiếm 34.7%, trên 1 ha chiếm 35.6%.

Ở một số nước khác thuộc Châu Á như Indonexia, Malaixia ...đang trong quá trình công nghiệp hoá có sự biến động về số lượng và diện tích bình quân của trang trại.

Ở Indonexia, năm 1963 có 744.000 trang trại với diện tích bình quân là 1.19 ha/trang trại, đến năm 1973 có 808.000 trang trại với diện tích bình quân là 1.14 ha/trang trại đến năm 1983 có 916.000 trang trại với diện tích bình quân là 0.95 ha/trang trại.

Ở Thái lan, năm 1963 có 3.124.000 trang trại với diện tích bình quân là 0.55 ha/trang trại đến năm 1978 có 4.018.000 trang trại với diện tích bình quân là 4.52 ha/trang trại.

Ở Philippin, năm 1960 có 2.166.000 trang trại với diện tích bình quân là 3.53 ha/trang trại, đến năm 1980 có 3.420.000 trang trại với diện tích bình quân là 2.62ha/trang trại.

Ngày nay, ở Châu Mỹ la tinh các đồn điền đang trong quá trình chia nhỏ ruộng đất cho các công nhân nông nghiệp hình thành các trang trại nông nghiệp gia đình có trình độ chuyên môn nông nghiệp mà vẫn tập trung được lượng nông sản hàng hoá lớn. Họ thấy rằng hình thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa không thích hợp với sản xuất nông nghiệp. Ở các nước xã hội chủ nghĩa đang trong quá trình chia nhỏ lại các xí nghiệp nông nghiệp tồn tại và phát triển hình thức trang trại gia đình. Từ đó có thể nhận thấy điểm tương đồng là “sản xuất lớn” không thể áp dụng có hiệu quả hơn so với kinh tế trang trại trong gia đình nông nghiệp.

_ Trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, kinh tế trang trại phát triển theo hướng kinh doanh tổng hợp, sau đó đi vào sản xuất tập trung, chuyên canh lớn.

_ Hai là: Kinh tế trang trại trong thời gian tới vẫn tồn tại và phát triển vì có nhiều thế mạnh hơn hẳn các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp khác.

Kinh tế trang trại có thể phát triển với nhiều hình thức đa dạng khác nhau (như tư bản tư nhân, cổ phần, liên doanh, uỷ thác,...). Hình thức quản lý, nội dung hoạt động, cơ cấu và qui mô sản xuất của trang trại thay đổi tùy theo đặc điểm và điều kiện cụ thể ở mỗi nước, mỗi vùng sinh thái, nhưng trang trại gia đình là loại thích hợp nhất, phổ biến nhất. Trên thế giới, trang trại gia đình chiếm khoảng 80- 90 tổng số trang trại. Đây chính là hình thức sản xuất lấy hộ gia đình làm nền tảng để sản xuất nông sản hàng hoá, sử dụng lao động gia đình trong quản lý sản xuất, có thể sử dụng lao động làm thuê thường xuyên hoặc theo thời vụ.

Kinh tế trang trại có ưu thế là:

- Có khả năng dung nạp các trình độ sản xuất nông nghiệp khác nhau về xã hội hoá, chuyên môn hoá, tập trung hoá trong sản xuất.
- Có khả năng dung nạp các quy mô sản xuất khác nhau (nhỏ, vừa và lớn).
- Có khả năng liên kết các loại hình kinh tế, sở hữu khác nhau(gia đình, hợp tác hóa, nhà nước).
- Có khả năng đáp ứng yêu cầu của các trình độ khoa học - công nghệ khác nhau.

_ Ba là: Hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại không hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô đất đai, lao động, mà chủ yếu phụ thuộc vào trình độ công nghệ sản xuất trong sản xuất nông nghiệp.

Ở các nước phát triển, trang trại gia đình là loại hình trang trại chủ yếu, có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống kinh tế nông nghiệp, là lực lượng sản xuất ra sản phẩm nông nghiệp cho toàn xã hội, tiêu thụ sản phẩm cho các ngành công nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho chế biến và thương nghiệp.

Ở các nước châu Á, quy mô diện tích của các trang trại rất nhỏ, thường từ 0.95-1.86 ha, tuy nhiên hiệu quả sản xuất kinh doanh của các trang trại lại rất cao.

Số lao động ở các trang trại rất thấp, từ 2 - 3 lao động, là do việc áp dụng cơ giới hóa đạt trình độ cao.

Như vậy, ở các quốc gia khác nhau, quy mô trang trại về diện tích cũng khác nhau và thay đổi theo thời gian, tùy thuộc vào đặc điểm tự nhiên, xã hội, trình độ cơ giới hoá và năng suất lao động ở mỗi nước. Ở các nước có bình quân đất nông nghiệp/hộ thấp thì diện tích đất bình quân của mỗi trang trại tăng không lớn, nhưng nếu các chủ trang trại tập trung đầu tư theo chiều sâu, vẫn tạo ra khối lượng nông sản hàng hoá và lợi nhuận ngày càng lớn trên một đơn vị diện tích.

_ Bốn là: Bồi dưỡng, đào tạo Chủ trang trại là một trong những nhân tố quan trọng nhất đối với sự thành công của kinh tế trang trại của các nước trên thế giới.

Xuất phát từ tính đặc thù của nông nghiệp và đặc điểm của sản xuất nông nghiệp, do đó không thể áp đặt phương pháp sản xuất công nghiệp vào nông nghiệp, nghĩa là không thể tách quản lý sản xuất ra khỏi sản xuất, các Chủ trang trại vừa là người quản lý vừa là người lao động trực tiếp, vừa là người kinh doanh. Mục tiêu của hoạt động kinh tế trang trại là sản xuất nông nghiệp. Việc quản lý sản xuất kinh doanh của trang trại trên thực tế là quản lý một doanh nghiệp. Vì vậy chủ trang trại phải có một trình độ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh để bảo đảm cho trang trại hoạt động có hiệu quả.

Trong nền kinh tế tiểu nông, chỉ cần có những người nông dân - chủ hộ cần cù lao động, còn trong kinh tế thị trường lại cần có những nông dân, chủ trang trại, đồng thời là chủ doanh nghiệp năng động, đủ năng lực điều hành quản lý trang trại đạt hiệu quả cao, lợi nhuận nhiều. Hơn nữa, trong điều kiện cạnh tranh gay gắt ở trong nước và

trên thị trường quốc tế, đòi hỏi chủ trang trại phải có trình độ quản lý cao để có khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Năng lực quản lý, điều hành của chủ trang trại thể hiện ở khả năng về quản lý tư liệu sản xuất (như nhà xưởng, ruộng đất, chuồng trại, kho tàng, máy móc thiết bị, vật tư kỹ thuật hàng loạt); quản lý lao động, quản lý vốn sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành xây dựng kế hoạch, quy hoạch sản xuất, nắm bắt thị trường, tình hình và giá cả tiêu thụ nông sản phẩm.

Ở nhiều nước công nghiệp phát triển, chủ trang trại muốn được công nhận về trình độ quản lý và tư cách pháp nhân, phải tốt nghiệp các trường kỹ thuật và quản lý nông nghiệp, đồng thời có kinh nghiệm qua thực tập lao động sản xuất kinh doanh một năm ở các trang trại khác. Họ không chỉ có bằng tốt nghiệp về nông học mà còn có sự am hiểu về mặt kỹ thuật, về kinh tế, về thị trường. Các chủ trang trại thường xuyên liên hệ với các cơ quan nghiên cứu khoa học để thu thập thông tin kinh tế- kỹ thuật, tham gia các hội thảo khoa học.

Trình độ học vấn, chuyên môn của chủ trang trại tỷ lệ thuận với hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu nhập của các trang trại.

_ Năm là: Sự tồn tại và phát triển của kinh tế trang trại gắn liền với quá trình công nghiệp hoá và sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá theo cơ chế thị trường cạnh tranh.

Ở nhiều nước đang phát triển, nhất là trong giai đoạn đầu, việc hình thành và phát triển thị trường tiêu thụ nông sản phẩm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với kinh tế trang trại.

_ Sáu là: Gắn trang trại công nghiệp chế biến và dịch vụ tại nông thôn.

Kinh tế trang trại phát triển theo hướng đi liền với chuyên môn hoá vào một ít loại cây trồng, vật nuôi nhất định và hình thành những vùng chuyên canh tập trung lớn. Công nghiệp chế biến và dịch vụ kinh tế trang trại là điều kiện hết sức quan trọng để thúc đẩy trang trại phát triển có hiệu quả.

Mặt khác, do đặc thù của sản xuất nông nghiệp nên thu nhập từ ngoài nông nghiệp của các gia đình nông dân đang ngày càng phổ biến ở nhiều nước. Ví dụ ở Malaysia, 45-47% thu nhập của hộ gia đình nông dân là phụ thuộc vào lao động phi nông nghiệp.

_ Bảy là: Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trang trại là một yêu cầu tất yếu để hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế trang trại.

Trang trại là những đơn vị kinh tế tư nhân tự chủ sản xuất kinh doanh, nhưng các trang trại không thể hoạt động đơn độc, mà phần lớn đều tham gia vào các hoạt động kinh tế hợp tác với các nội dung và hình thức khác nhau. Hợp tác được hình thành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, theo con đường góp vốn và phân chia lợi ích, là tổ chức liên thông, liên kết giữa các trang trại trong quá trình từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Hợp tác xã kiểu này không làm động chạm đến quyền sở hữu của từng trang trại, nhưng lại tạo điều kiện làm tăng thêm năng lực sản xuất, lợi ích của từng trang trại.

Có sự hỗ trợ của các hợp tác xã trang trại thì các trang trại chỉ tiến hành sản xuất, còn hợp tác xã lo đầu vào đầu ra.

_ Tám là: Nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển kinh tế trang trại.

Ở các nước châu Á, việc phát triển các trang trại gia đình ở vùng đồi núi cao cho thấy vai trò của nhà nước cực kỳ quan trọng, quyết định sự thành bại công cuộc di dân, mở mang vùng kinh tế mới. Ở những nơi không có sự quan tâm của nhà nước, thì không ổn định được đời sống sản xuất của các hộ nông dân, không đem lại hiệu quả kinh tế mong muốn, mà còn gây ra tình trạng sử dụng, khai thác quá mức tài nguyên rừng, phá hoại môi trường sinh thái.

Ở Malaysia, để phát triển các vùng cây công nghiệp xuất khẩu, Chính phủ đã tổ chức đưa hàng vạn hộ nông dân đến lập nghiệp theo phương thức trang trại trồng cao su, cọ dầu xuất khẩu. Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trước và sau đó mới đưa các hộ nông dân tự nguyện đến các địa bàn mới, lập trang trại, được giao đất và cho vay vốn, hướng dẫn kỹ thuật, cung cấp vật tư sản xuất và bao tiêu chế biến sản phẩm.

Nhà nước có các biện pháp tích cực can thiệp gián tiếp vào thị trường nông sản thông qua các đòn bẩy kinh tế để tạo sự cân bằng về cung và cầu trên thị trường nông sản nhằm điều tiết, chống khủng hoảng. Bằng những biện pháp đó, nhà nước hướng dẫn, khuyến khích các trang trại tăng hoặc tự nguyện giảm sản xuất các loại nông sản.

Nhà nước tôn trọng quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của người nông dân và tạo điều kiện cho các trang trại phát triển. Đây là động lực giúp cho các trang trại gia đình tồn tại và ngày càng phát triển. Vai trò của nhà nước ở đây không chỉ là “bà đỡ” cho sự ra đời một hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh mà còn là chỗ hướng dẫn, tạo

điều kiện cho hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh này hoạt động có hiệu quả và đúng mục tiêu của nhà nước đề ra.

Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp - nông thôn, đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi, đầu tư cho đường sá, cầu cống ở nông thôn giúp cho việc vận chuyển lưu thông nông sản hàng hoá được dễ dàng.

Để khuyến khích và tạo điều kiện cho trang trại phát triển, Nhà nước đề ra các chính sách như: Chính sách đất đai; Chính sách vốn, tín dụng; Chính sách thị trường; Chính sách khoa học - công nghệ; Chính sách đào tạo chủ trang trại,.....

— Chính là: Một số khó khăn, hạn chế cần lưu ý:

Sự phát triển của loại hình trang trại cũng đang được bộc lộ một số khó khăn, hạn chế và cần có biện pháp để khắc phục:

- Quy mô trang trại nhỏ gây sức ép với việc tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất nông nghiệp.
- Quy mô ruộng đất càng nhỏ, manh mún làm hạn chế việc áp dụng công nghệ mới và máy móc hiện đại, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất.
- Lao động (gồm lao động quản lý và lao động trực tiếp sản xuất) với trình độ học vấn thấp và chưa được đào tạo chuyên môn, kỹ thuật đã có tác động trực tiếp đến phát triển và hiệu quả sản xuất của trang trại.
- Tốc độ tăng dân số ở nông thôn còn cao, lao động nông nghiệp tăng nhanh, thiếu cơ hội và việc làm phi nông nghiệp. Hậu quả dẫn đến nông dân bị đẩy ra thành thị tạo thành tầng lớp dân nghèo ở thành thị.
- Hệ thống thị trường nông thôn chưa hoàn thiện, mặc dù nhiều nước có chính sách ưu đãi về thuế, về giá cả nông sản, nhưng nông sản trong trang trại dường như chưa có khả năng tiêu thụ tốt.

Từ những kinh nghiệm chung trên đây, đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề phải suy nghĩ để vận dụng một cách phù hợp vào điều kiện cụ thể của nước ta.

2.3. Phương Pháp Nghiên Cứu

2.3.1. Phương pháp mô tả

Sử dụng phương pháp mô tả nhằm xác định về thực trạng kinh tế trang trại đang diễn ra trên địa bàn tỉnh.

Đánh giá , mô tả được thực tế số lượng loại hình sản xuất, sự phân bố, tình hình sử dụng đất đai, sử dụng lao động, vốn và nguồn vốn, tình hình thu nhập, kết quả và hiệu quả của trang trại ...

2.3.2. Phương pháp nhân quả

Sử dụng phương pháp này để tìm nguyên nhân hình thành thực trạng của kinh tế trang trại Đồng Nai.

Đánh giá những nguyên nhân tích cực và những khó khăn, hạn chế đến sự phát triển kinh tế trang trại.

Đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn để kinh tế trang trại phát triển.

2.3.3. Phương pháp thực hiện nghiên cứu

2.3.3.1. Phương pháp điều tra, khảo sát

Tiến hành điều tra tất cả các trang trại đủ tiêu chí trang trại theo nghị quyết số 03/2000/NQ-CP của Thủ tướng chính phủ ngày 02/02/2000 về kinh tế trang trại và thông tư liên bộ số 69/2000/TTLT-BNN-TCTK ngày 23/06/2000 của Bộ Nông Nghiệp & PTNT và Tổng Cục Thống Kê, bằng bảng câu hỏi chuẩn bị sẵn.

2.3.3.2. Phương pháp điều tra chọn mẫu có phân tầng

Sử dụng phương pháp này để điều tra sâu một số loại hình trang trại, nhằm xác định kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của chúng: trang trại Xoài, trang trại Nhãn, trang trại Chôm Chôm, trang trại Sầu Riêng, trang trại Cà Phê, trang trại Tiêu, trang trại Điều. Mỗi loại hình trang trại chọn 40 trang trại để điều tra. Tiêu thức chọn mẫu là đại diện, có tính chất phổ biến cho các loại hình trang trại này để tránh những sai sót trong suy rộng của mẫu phân tích.

2.3.3.3. Phương pháp chuyên gia

Tổ chức thảo luận các chuyên gia và các chủ trang trại lấy ý kiến đóng góp xây dựng ma trận SWOT làm cơ sở đề xuất định hướng và các giải pháp phát triển trang trại.

2.3.3.4. Phương pháp xử lý, phân tích số liệu

Sử dụng những phần mềm tương thích như Excel, SPSS, mô tả thống kê, phân tích chuyên ngành để trình bày kết quả nghiên cứu.

Phần 3

TỔNG QUAN

3.1. Điều Kiện Tự Nhiên

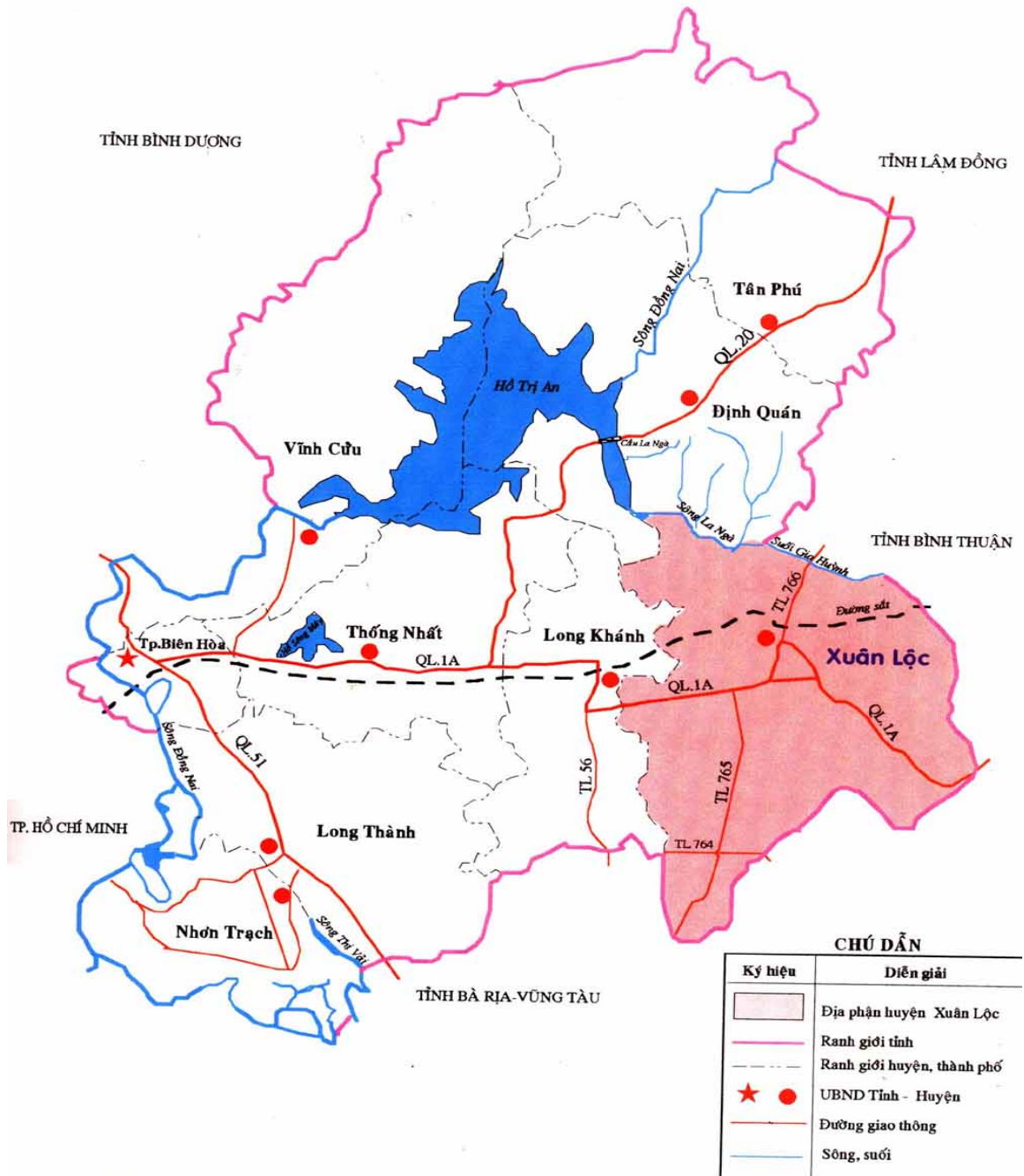
3.1.1. Vị Trí Địa Lí

Đồng Nai thuộc vùng Đông Nam Bộ, là một trong 4 tỉnh thành phố nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam, có thành phố Biên Hoà là khu vực kinh tế năng động và là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế cả nước.

- Đồng Nai nằm ở tọa độ địa lí
 - _ Từ $10^{\circ}30'03''$ đến $11^{\circ}34'57''$ vĩ độ Bắc.
 - _ Từ $106^{\circ}45'30''$ đến $107^{\circ}35'00''$ kinh độ đông.
- Ranh giới hành chiền
 - _ Phía đông giáp tỉnh Bình Thuận .
 - _ Phía tây giáp Tp.HCM và tỉnh Bình Dương .
 - _ Phía nam giáp Tp.HCM và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - _ Phía bắc giáp tỉnh Lâm Đồng.

Với vị trí địa lí kinh tế được đánh giá có lợi thế nhất so với 61 tỉnh thành trong cả nước, sẽ là cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế Đồng Nai, Trong đó ngành Nông Nghiệp, phát triển bền vững trong cơ chế thị trường theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hình 1: Bản Đồ Vị Trí Địa Lí Tỉnh Đồng Nai



3.1.2. Địa Hình

Địa hình Đồng Nai tương đối bằng phẳng, có xu hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam, cơ bản có thể phân ra 3 dạng địa hình sau:

_ Địa hình núi thấp: Đây là các núi phân bố rải rác và là phần cuối của dãy Trường Sơn, độ cao thay đổi từ 200 - 700m. Phân bố chủ yếu ở huyện Tân Phú và một số ít ở Định Quán, Xuân Lộc. Thảm thực vật là rừng tự nhiên và rừng trồng.

_ Địa hình đồi lượn sóng: Có diện tích lớn nhất trong 3 dạng địa hình, cao độ từ 20 – 100m. Đây là kiểu địa hình đặc trưng cho các vùng kiến tạo bởi đá Bazan và trầm tích phù sa cổ, độ dốc từ 3 – 8⁰, đã được tập trung khai thác phát triển sản xuất nông nghiệp.

_ Địa hình đồng bằng: Chủ yếu là dãy đất phù sa hoặc dốc tụ nằm cặp sông Đồng Nai, nhưng diện tích không lớn. Được tận dụng khai thác trồng cây ngắn ngày, chủ yếu là lúa nước.

3.1.3. Thời Tiết, Khí Hậu

_ Khí hậu: Mang tính chất nhiệt đới cận xích đạo gió mùa với tổng lượng bức xạ hàng năm cao và ổn định (bức xạ tổng cộng: 390 - 565 kcal/cm²/ngày), nhiệt độ bình quân cao đều quanh năm: 25,4⁰ – 25,8⁰C, số giờ nắng cao: 2.296 - 2.300 giờ/năm, ít xảy ra bão, sương muối. Do đó rất thuận lợi cho việc phát triển ngành trồng trọt.

_ Thời tiết: Lượng mưa trung bình từ 1.500 - 2.500mm/năm. Xu thế giảm dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Mùa mưa thường bắt đầu từ 11/4 - 28/5 và kết thúc 20/10 - 27/10 đây là thời gian an toàn cho những mô hình canh tác nhờ mưa.

3.1.4. Đất Đai

Đồng Nai có gần đủ các loại đất tại Việt Nam, nghĩa là rất đa dạng về phát sinh đất cũng như phát triển đất. Các loại đất chủ yếu của tỉnh Đồng Nai là:

Bảng : Số Lượng & Cơ Cấu Các Nhóm Đất Chính Trên Địa Bàn Tỉnh Đồng Nai

STT	Nhóm đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xám	234.867,00	40,05
2	Đất đen	131.604,00	22,44
3	Đất đỏ	95.389,00	16,24
4	Phù sa	27.929,00	4,76
5	Gley	26.758,00	4,56
6	Nâu	11.377,00	1,94
7	Đất tầng mỏng cát	3.180,00	0,54
8	Đất đá bột	2.422,00	0,41
9	Loang lổ	139,00	0,24

10	Đất cát	63,00	0,11
	Tổng cộng	533.728,00	100,00

3.1.5. Thủy Văn

Việc phát triển nông nghiệp ở Đồng Nai được tận dụng 2 nguồn nước chủ yếu: nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm. Đặc biệt các trang trại cây công nghiệp ở Đồng Nai phần lớn tận dụng nguồn nước ngầm là chủ yếu. Đó đó quá trình sản xuất gặp không ít những khó khăn từ nguồn nước mang lại, nhất là những năm hạn hán kéo dài.

_ Nguồn nước ngầm: Nguồn nước ngầm tồn tại dưới 2 dạng, lỗ hổng và khe nứt. Trong đó có 3 tầng chứa nước lỗ hổng và 2 tầng chứa nước khe nứt. Cung cấp chủ yếu cho sản xuất.

_ Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt ở Đồng Nai khá dồi dào và được cung cấp bởi các con sông như: Sông Đồng Nai, Sông La Ngà, và Sông Ray. Ngoài ra còn có dòng Thác Lá Buông....trong đó vào mùa kiệt Sông Ray và Thác Lá Buông lưu lượng rất nhỏ nên cũng ảnh hưởng chung đến việc sản xuất nông nghiệp của Tỉnh.

3.1.6. Tài Nguyên Rừng

Diện tích rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 131.484,77 ha, tập trung chủ yếu ở các huyện phía Bắc như Vĩnh Cửu, Tân Phú và Định Quán. Đặc biệt, rừng Quốc Gia Nam Cát Tiên rộng trên 35.000 ha với nhiều loại thực vật, động vật và chim quý.

3.2. Điều Kiện Kinh Tế - Xã Hội

3.2.1. Dân Số Và Lao Động

Đồng Nai là Tỉnh có nguồn nhân lực lớn thứ hai sau Tp.HCM ở vùng Đông Nam Bộ. Dân số trung bình năm 1999 có 1.999.660 người; trong đó, nông thôn có 1.378.100 người (chiếm 69,37%) và thành thị có 612.500 (chiếm 30,63%). Nhân khẩu nông nghiệp 1.012.000 người. Trong đó, có một số đồng bào dân tộc thiểu số như Stiêng, Thái...sinh sống.

_ Đồng Nai có dân số xếp vào loại trẻ với 55% ở độ tuổi 15 – 49; chỉ riêng độ tuổi 15 – 30 đã chiếm 29,5%.

_ Lao động trong độ tuổi là 1.247.650 người (chiếm 62,39%); trong đó người đang làm việc thường xuyên : 1.024.480 người. Giải quyết được 82,1% dân số trong độ tuổi lao động có công ăn việc làm.

_ Do Đồng Nai là điểm nóng trong làn sóng di dân tự do, những năm qua tốc độ tăng người lao động khá cao là 3,5%/năm nên nguồn nhân lực của Tỉnh ngày càng lớn mạnh.

Chất lượng lao động (năm 1996) cho thấy

- _ Không có chuyên môn kỹ thuật : 781.863 người, chiếm 87%.
- _ Công nhân kỹ thuật : 48.756 người, chiếm 5,45%.
- _ Trung cấp: 29.225 người, chiếm 3,27%.
- _ Cao đẳng và đại học: 21.284 người, chiếm 2,38%.
- _ Trên đại học: 73 người, chiếm 1,90%.

3.2.2. Cơ Sở Hạ Tầng

Đồng Nai là vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ nó được kiến tạo bởi một số điều kiện thuận lợi đặc trưng khác biệt hơn so với vùng kinh tế khác. Ngoài điều kiện tự nhiên trong vùng ưu đãi, Đồng Nai còn có cơ sở hạ tầng rất mạnh mẽ. Đặc biệt là hệ thống giao thông. Giao thông Đồng Nai có cả hệ thống giao thông đường sắt và đường bộ.

Đường sắt chấn ngang tỉnh Đồng Nai kéo dài từ Tây sang Đông (Tp.HCM đến Bình Thuận)

Các đường bộ quan trọng như : QL1A (quốc lộ 1A qua TP. Biên Hoà, Thống Nhất, Long Khánh, Xuân Lộc sau đó qua Bình Thuận, QL20 (quốc lộ 20 qua các huyện Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú rồi đi Lâm Đồng), QL51 (quốc lộ 51 qua TP. Biên Hoà, Long Thành và đến Bà Rịa Vũng Tàu) và một số tỉnh lộ lớn như TL56 (tỉnh lộ 56 từ Long Khánh đi Bà Rịa Vũng Tàu), TL765 (tỉnh lộ 765 từ Xuân Lộc đi Bà Rịa Vũng Tàu)...để nối liền các tỉnh khác lân cận. Một vấn đề đáng đề cập khác là 100% hệ thống giao thông nối các xã đều được rải nhựa hoàn chỉnh. Đó là điều kiện quan trọng, thuận lợi cho việc đi lại và vận chuyển các loại hàng hóa.

3.3. Kinh Tế Trang Trại Ở Tỉnh Đồng Nai

Quá trình hình thành và phát triển kinh tế trang trại tỉnh Đồng Nai trải qua các giai đoạn lịch sử của đất nước. Trước cách mạng và trong thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ hình thành các trang trại dưới hình thức các đồn điền cao su, cà phê...của các tư bản nước ngoài và địa chủ...

Sau khi đất nước được giải phóng, các trang trại này được cải tạo, tập thể hoá, quốc doanh hóa thành các cơ sở sản xuất tập thể và nhà nước dưới hình thức HTX, các nông trường quốc doanh...

Từ khi nhà nước có chủ trương mới về giao đất giao rừng... đã tạo điều kiện tiền đề cho kinh tế trang trại phát triển. Đặc biệt nghị quyết 10 của Bộ Chính Trị khoá VI và

ng nghị quyết TW 5 khóa VII cũng như luật đất đai năm 1993 đã mở đường cho sự phát triển mạnh mẽ các trang trại ở tỉnh Đồng Nai.

Kinh tế trang trại ở tỉnh Đồng Nai có vị trí vai trò hết sức quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, cơ cấu vật nuôi và cơ cấu lao động trong nông nghiệp nông thôn. Để khuyến khích kinh tế trang trại phát triển, nghị quyết đại hội tỉnh Đảng Bộ Đồng Nai lần thứ VI đã có chủ trương “*Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế trang trại phát triển nhằm khai thác tiềm năng của địa phương, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ, phát triển kinh tế trang trại đi đôi với phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, các hình thức liên kết với các nông lâm trường quốc doanh để tạo động lực và sức mạnh cho nông nghiệp, nông thôn phát triển*”

Nắm vững chủ trương trên, đồng thời thực hiện Nghị quyết 03/NQ/CP ngày 02 tháng 02 năm 2000 của chính phủ về kinh tế trang trại, trong mấy năm qua kinh tế trang trại Đồng Nai đã phát triển khá rộng khắp ở các vùng, với các hình thức đa dạng, phong phú. Nhiều nơi các chủ trang trại đã chú ý đến đầu tư chiều sâu, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại.

Sự phát triển kinh tế trang trại ở Đồng Nai đã tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu lao động, từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Điều này đã chứng tỏ rằng, kinh tế trang trại là một hướng phát triển đúng đắn, một hình thức tổ chức sản xuất thích hợp.

Phần 4

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở TỈNH ĐỒNG NAI

4.1. Đặc Điểm Của Chủ Trang Trại

4.1.1. Giới Tính, Dân Tộc, Thành Phần, Tổ Chức Đoàn Thể Của Các Chủ Trang Trại

Bảng 4.1: Đặc Điểm Giới Tính, Dân Tộc, Thành Phần, Đoàn Thể Của Chủ Trang Trại

Chỉ tiêu	Số lượng Trang trại	Tỷ lệ (%)
1- Giới tính	3.117	100,00
- Nam	2.763	88,64
- Nữ	354	11,36

2- Dân tộc	3.117	100,00
- Kinh	2.827	90,70
- Dân tộc ít người	290	9,30
3- Thành phần của Chủ trang trại	3.117	100,00
- Nông dân	2.532	81,23
- Công chức đương chức	99	3,18
- Cán bộ xã	139	4,46
- Công nhân đang làm việc	62	1,99
- Cán bộ, công nhân hưu trí	131	4,20
- Khác	154	4,94
4- Tổ chức đoàn thể	3.117	100,00
- Đảng viên	284	9,11
- Đoàn viên	59	1,89
- Khác	2.774	89,00

Nguồn: Sở NN & PTNT và điều tra 12/2003

Theo số liệu tổng hợp kết quả điều tra đến ngày 31/12/2003 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 3117 trang trại, được quản lý của 3117 chủ trang trại, trong đó có 2763 chủ trang trại là nam (chiếm 88,64%) và 11,36% là nữ.

Về dân tộc: chủ trang trại là dân tộc kinh là 2827 người (chiếm 90,7%), dân tộc ít người là 290 người chiếm 9,3%.

Nguồn gốc xuất thân của các chủ trang trại rất đa dạng nhưng đa số xuất thân từ thành phần nông dân là 2532 (chiếm 81,23%). Điều này thể hiện việc hình thành các trang trại của tỉnh Đồng Nai xuất phát từ kinh tế hộ nông dân tại địa phương. Một số chủ trang trại có nguồn gốc xuất thân khác như từ các thành phố, có vốn, có ý chí làm giàu đã chuyển dịch vốn tới các vùng có nhiều tiềm năng về đất đai để phát triển kinh tế trang trại. Tính chung số này chiếm 4,94%.

Về tổ chức đoàn thể của chủ trang trại: chủ trang trại là đảng viên có 284 người chiếm 9,11%. Chủ trang trại là đoàn viên có 59 người, chiếm tỷ lệ nhỏ là 1,89%.

4.1.2. Trình Độ Văn Hóa, Chuyên Môn Và Ngành Nghề Được Đào Tạo Của Chủ Trang Trại

Bảng 4.2: Trình Độ Của Chủ Trang Trại

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1- Trình độ văn hóa của Chủ trang trại		
- Không biết chữ	41	1,32
- Cấp 1	684	21,94
- Cấp 2	1.386	44,47
- Cấp 3	1.006	32,27
2- Trình độ chuyên môn của Chủ trang trại		
- Không bằng cấp	2.530	81,17

- Sơ cấp	185	5,94
- Trung cấp	249	7,99
- Đại học	143	4,59
- Trên đại học	10	0,32
3- Ngành nghề đào tạo của Chủ trang trại		
- Kinh tế	163	5,23
- Kỹ thuật nông nghiệp	170	5,45
- Kỹ thuật khác	99	3,18
- Ngành khác	168	5,33
- Không được đào tạo	2.519	80,81
Tổng cộng	3.117	100,00

Nguồn: Sở NN & PTNT và điều tra 12/2003

Thực tế của nhiều trang trại hoạt động mang lại hiệu quả cao cho thấy, chủ trang trại là những người có ý chí làm giàu, chịu khó học hỏi để tiến lên. Vì vậy, họ có trình độ khoa học kỹ thuật, có khả năng quản lý, có hiểu biết nhất định về thị trường và biết kết hợp sức lao động của gia đình với thuê mướn lao động để sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên hiện nay số đó không nhiều.

Về trình độ văn hóa : Do phần đông chủ trang trại xuất thân từ nông dân nên trình độ văn hóa bị hạn chế. Trình độ văn hóa cấp 2 có 1386 người, chiếm 44,47%. Trình độ văn hóa cấp 3 có 1006 người, chiếm 32,27%.

Số chủ trang trại có trình độ văn hóa cấp 1 và không biết chữ chiếm tỷ lệ khá lớn 23,26%. Đây cũng là vấn đề khó khăn đối với các chủ trang trại trong việc quản lý, tính toán đầu tư để phát triển trang trại.

Về trình độ chuyên môn: phần lớn các chủ trang trại đều không có bằng cấp chuyên môn là 2530 người, chiếm 81,17%. Số còn lại có bằng cấp trở lên là 587 người, chiếm 18,83%. Trong số chủ trang trại được đào tạo chỉ có 170 người được đào tạo về mặt kỹ thuật nông nghiệp (chiếm 28,43%). Đào tạo về quản lý kinh tế 163 người, chiếm 27,26%. Đào tạo về kỹ thuật và ngành nghề khác là 265 người, chiếm 44,31%.

Nguồn gốc hình thành và phát triển trang trại của tỉnh Đồng Nai có sự khác biệt so với các tỉnh trong khu vực. Trang trại được hình thành chủ yếu từ kinh tế hộ nông dân tại địa phương. Số chủ trang trại là người từ các tỉnh, thành phố khác chiếm tỷ lệ nhỏ. Việc hình thành các trang trại tại địa phương bước đầu đã có tác dụng lôi cuốn các hộ nông dân trong vùng noi theo và tích cực phát triển sản xuất hàng hóa, xây dựng mối quan hệ tình làng nghĩa xóm tốt ở nông thôn.

Tuy nhiên, số lượng chủ trang trại ở Đồng Nai xuất thân từ nông dân chiếm tỷ lệ khá cao 81,23%. Ở Bình Dương tỷ lệ này là 60,30% và cả nước là 62%. Đây là một trong những khó khăn lớn trong việc tiếp thu khoa học quản lý, điều hành các trang trại.

4.2. Số Lượng Loại Hình Sản Xuất Trang Trại Và Sự Phân Bố Trên Địa Bàn Tỉnh

Bảng 4.3 : Số Lượng Loại Hình Sản Xuất Trang Trại Và Sự Phân Bố Trên Địa Bàn Tỉnh Tính đến ngày 31/12/2003 toàn tỉnh có 3117 trang trại. Đồng Nai có số lượng

trang trại đứng thứ 11 so với cả nước và đứng thứ 3 so với Miền Đông Nam Bộ (sau Bình Dương và Tây Ninh). Trong tổng số 3117 trang trại toàn tỉnh có 6 loại hình trang trại (phân loại theo loại hình sản xuất trang trại), đó là:

- _ Trang trại chăn nuôi có số lượng nhiều nhất là 1290 trang trại, chiếm 41,38%.
- _ Trang trại trồng cây lâu năm 1168 trang trại, chiếm 37,47%.
- _ Trang trại nuôi trồng thủy sản có 245 trang trại, chiếm 7,86%.
- _ Trang trại tổng hợp 221 trang trại, chiếm 7,09%.
- _ Trang trại trồng cây hàng năm là 182 trang trại, chiếm 5,83%.
- _ Trang trại lâm nghiệp có số lượng ít nhất, chỉ có 11 trang trại, chiếm 0,37%.

Nhìn chung trang trại ở Đồng Nai phát triển nhiều và chủ yếu là trang trại cây lâu năm và trang trại chăn nuôi. Đây cũng là hai lĩnh vực thuộc thế mạnh của nông nghiệp Đồng Nai.

Sự phân bố của các loại hình trang trại tại địa phương:

_ Trang trại chăn nuôi có số lượng lớn nhất và tập trung phát triển ở Tp.Biên Hòa 348 trang trại (chiếm 26,98% tổng số trang trại chăn nuôi). Huyện Thống Nhất 316 trang trại chăn nuôi (chiếm 24,5%). Huyện Trảng Bom có 155 trang trại, chiếm 12,02%. Huyện Long Thành có 121 trang trại (chiếm 9,38%).

_ Trang trại trồng cây lâu năm có 1168 trang trại, được phân bố tập trung nhiều nhất ở Huyện Định Quán với 228 trang trại, chiếm 19,52%, kế đến là huyện Trảng Bom 219 trang trại (chiếm 18,75%). Huyện Xuân Lộc có 204 trang trại (chiếm 17,47%). Huyện Cẩm Mỹ có 191 trang trại, chiếm 16,35%.

_ Huyện Vĩnh Cửu có số lượng trang trại tổng hợp tập trung tương đối lớn với 43 trang trại, chiếm 19,46% tổng số trang trại tổng hợp.

_Trang trại nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi tôm, phát triển mạnh ở huyện Nhơn Trạch với 156 trang trại, chiếm 63,67%. Các chủ trang trại đã lợi dụng khu vực rừng đước, các triền bờ dọc sông Đồng Nai, Thị Vải, để đắp đùng, đập nuôi tôm.

Ngoài ra còn có loại trang trại đặc thù, tập trung nhiều ở huyện Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ... Trang trại đặc thù ở Định Quán chủ yếu là nuôi cá bè trên khu vực sông La Ngà và lòng hồ Trị An. Trang trại đặc thù làm nấm, nuôi ong trong các vườn cây lâu năm chủ yếu tập trung ở Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thị xã Long Khánh.

Như vậy việc hình thành và phân bố các loại hình trang trại ở tỉnh Đồng Nai hoàn toàn không mang tính tự phát mà phát triển dựa vào lợi thế so sánh của từng vùng (điều kiện tự nhiên, đất đai, mặt nước ...) và kinh nghiệm sản xuất truyền thống của hộ nông dân ở các địa phương.

4.3. Thực Trạng Tình Hình Sử Dụng Đất Đai Của Trang Trại

Đất đai là một trong những yếu tố chính để hình thành nên trang trại, đặc biệt cần thiết đối với các trang trại trồng trọt. Các trang trại sử dụng ít đất thường là các trang trại chăn nuôi, trang trại đặc thù như trồng cây cảnh, trồng nấm, nuôi urom cá giống, tôm giống...

Tổng số 3117 trang trại hiện đang sử dụng 11.020 ha đất và mặt nước, chiếm 3,68% tổng diện tích đất nông nghiệp (11.020/302.845). Tính bình quân diện tích một trang trại là 3,53 ha, gấp 3 lần diện tích đất canh tác của một hộ nông nghiệp trong tỉnh. Về quy mô đất đai bình quân một trang trại tỉnh Đồng Nai thấp hơn mức trung bình của khu vực Đông Nam Bộ (6,63 ha/1trang trại) và thấp hơn so với cả nước (4,7 ha/1trang trại).

4.3.1. Tình Trạng Pháp Lý Đất Đai Của Trang Trại

Bảng 4.4 : Cơ Cấu Đất Đai Theo Tình Trạng Pháp Lý Của Các Loại Hình Trang Trại

Loại hình trang trại	Đất được cấp giấy chủ quyền		Đất chưa được cấp giấy CQ	
	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
TT cây hàng năm	808,39	69,82	349,36	30,18
TT cây lâu năm	3749,40	66,89	1855,80	33,11
TT chăn nuôi	693,21	69,82	299,18	30,18
TT lâm nghiệp	43,39	17,65	202,43	82,35
TT thủy sản	152,51	11,63	1038,90	88,37

TT tổng hợp	744,51	40,64	1083,70	59,36
Tổng cộng	6190,94	56,18	4829,37	43,82

Nguồn: Sở NN & PTNT và điều tra 12/2003

Toàn bộ diện tích đất trang trại đang sử dụng 10.020 ha thì chỉ có 6109,94 ha được cấp giấy chủ quyền (chiếm 56,18%), còn lại 4829,37 ha là đất chưa được cấp giấy chủ quyền (chiếm 43,82%). Diện tích đất chưa được cấp giấy chủ quyền cho các chủ trang trại chủ yếu là đất nhận chuyển nhượng là 1394,73 ha, chiếm 28,88%, đất nhận khoán của các nông lâm trường 987,97 ha, chiếm 20,46%, đất tự khai hoang 681,38 ha, chiếm 14,11%.

Để các chủ trang trại yên tâm đầu tư, khuyến khích khai thác và sử dụng đất đai có hiệu quả, cần nhanh chóng giải quyết cấp chủ quyền đối với diện tích đất của trang trại trong mức hạn điền, nhất là diện tích đất trang trại tự khai hoang, đất sang nhượng hợp pháp.

4.3.2. Diện Tích, Cơ Cấu Một Số Loại Cây Trồng Chính Trong Các Trang Trại

Bảng 4.5: Diện Tích, Cơ Cấu Một Số Loại Cây Trồng Chính Trong Các Trang Trại

Về diện tích của một số loại cây trồng chính của các trang trại chiếm 7882 ha. Các cây trồng chủ yếu là:

- _ Cây công nghiệp có diện tích 4536,77 ha chiếm 57,55%.
- _ Cây ăn trái có diện tích 2510,71 ha chiếm 31,85%.
- _ Cây lương thực có diện tích 835,05 ha chiếm 10,59%.

Việc phát triển trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn trái là do các Chủ trang trại đã biết khai thác, sử dụng triệt để ưu thế về đất đai thích hợp để trồng các loại cây này.

Về cây công nghiệp:

_ Cây điều có diện tích lớn nhất 1452 ha chiếm 18,42%. Phần lớn diện tích cây điều được trồng ở các vùng đất xấu, đất hoang, đồi núi trọc.

_ Cây tiêu của các trang trại có diện tích 1032 ha chiếm 13,10%, loại cây này có giá trị kinh tế cao, nên đã phát triển mạnh trong những năm trước đây, nhưng hiện nay giá cả sụt giảm, các trang trại chỉ thâm canh trên diện tích hiện có.

_ Cây mía có diện tích đứng thứ ba trong các loại cây trồng với diện tích 747,24 ha chiếm 9,48%, khả năng diện tích mía sẽ tăng lên trong những năm tới vì hiện nay giá cả thu mua có lợi cho các trang trại.

_ Cây cafe có diện tích 690 ha chiếm 8,76%, tuy nhiên diện tích này sẽ giảm trong những năm tới để trồng các loại cây khác có giá trị cao hơn (vì giá cafe hiện nay quá thấp).

_ Cây cao su có diện tích là 690 ha, chiếm 8,76% là loại cây đang có xu hướng phát triển tốt vì giá mủ cao su đang tăng trên thị trường.

_ Cây thuốc lá có diện tích thấp nhất trong nhóm cây công nghiệp của các trang trại, chỉ có 2,5 ha chiếm 0,03%. Đất đai của các trang trại tuy có điều kiện phát triển thuốc lá, nhưng giá cả thu mua không hấp dẫn nên các trang trại không phát triển loại cây này.

Về cây ăn trái:

Đồng Nai là một trung tâm trồng các loại cây ăn trái của khu vực miền Đông Nam Bộ, do vậy các trang trại cũng sử dụng khá lớn đất để trồng các loại cây ăn trái có giá trị.

_ Cây xoài có diện tích lớn nhất 786 ha chiếm 9,98% tổng diện tích cây trồng của trang trại.

_ Cây nhãn có diện tích 444 ha, chiếm 5,64% tổng diện tích cây trồng của trang trại.

_ Cây chôm chôm có 369 ha, chiếm 5,03%.

_ Cây sầu riêng có 271ha, chiếm 3,45%.

Phần lớn các diện tích cây trồng ăn trái đều được sử dụng giống mới có năng suất và chất lượng cao, tuy nhiên giá cả và tiêu thụ sản phẩm hiện nay của các trang trại đang gặp nhiều khó khăn.

Nhóm cây lương thực: Diện tích đất để trồng cây lương thực và cây ngắn ngày khác là 834 ha, chiếm 10,58% tổng diện tích trồng trọt của trang trại. Trang trại loại này chủ yếu là trồng lúa, bắp, khoai mì.

4.4. Thực Trạng Vốn Và Nguồn Vốn Của Chủ Trang Trại

Về cơ cấu vốn và nguồn vốn đầu tư của chủ trang trại được thể hiện trong bảng sau đây:

Bảng 4.6 : Cơ Cấu Vốn, Nguồn Vốn Đầu Tư Của Các Loại Hình Trang Trại

Tổng số vốn đầu tư của các trang trại đến 31/12/2003 là 981590,5 triệu đồng, bình quân vốn đầu tư một trang trại là 314,8 triệu đồng. Trong đó: trang trại tổng hợp có vốn đầu tư cao nhất bình quân 496 triệu đồng/trang trại, kể đến trang trại chăn nuôi là 364 triệu đồng/trang trại. Trang trại đầu tư thấp nhất là trang trại trồng cây ngắn ngày 184 triệu đồng/trang trại.

Xét về quy mô vốn đầu tư bình quân của trang trại Đồng Nai tuy có thấp hơn mức đầu tư bình quân chung các tỉnh miền Đông Nam Bộ nhưng cao hơn so với bình quân chung cả nước tới 43,44%. Sở dĩ mức đầu tư thấp so với khu vực là do phần lớn các trang trại của tỉnh Đồng Nai đã phát triển sớm, tương đối ổn định: như trang trại trồng cây lâu năm, trang trại chăn nuôi. Mặt khác do điều kiện tự nhiên, đất đai để lập trang trại thuận lợi hơn, chi phí đầu tư ban đầu không lớn so với các tỉnh trong khu vực.

Về cơ cấu nguồn vốn:

Trong tổng số vốn đầu tư của các trang trại 981590,5 triệu đồng thì vốn tự có của chủ trang trại là 871741 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 88,8% tổng số vốn đầu tư. Số còn lại đi vay, trong đó vay ngân hàng 96300 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 9,81%, vay từ các nguồn khác là 13549 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,39% tổng số vốn đầu tư. Như vậy vốn đầu tư để phát triển trang trại tỉnh Đồng Nai phần lớn là vốn tự có của chủ trang trại, đây là tỷ lệ huy động khá cao, phản ánh khả năng về vốn của các chủ trang trại, phát huy tối đa nội lực để đầu tư phát triển trang trại.

Tuy nhiên, không phải trang trại nào cũng đủ vốn đầu tư mà phải đi vay thêm. Trong số 3117 trang trại có 2096 trang trại thiếu vốn sản xuất nhưng mới chỉ vay được ngân hàng 96 tỷ đồng (chiếm 9,81% tổng số vốn). Do đó cần phải có biện pháp tháo gỡ trong quan hệ giao dịch vay vốn giữa ngân hàng và các trang trại trong thời gian tới để thực hiện tốt những chính sách ưu đãi về vay vốn của Chính phủ quy định đối với kinh tế trang trại.

4.5 Tình Hình Trang Bị Và Sử Dụng Máy Móc Thiết Bị Của Các Trang Trại

Bảng 4.7 : Trang Bị Máy Móc, Thiết Bị Của Các Trang Trại

ĐVT:cái

Chỉ tiêu	Toàn	Chia theo loại hình sản xuất của trang trại
-----------------	-------------	--

	tỉnh	Cây hàng năm	Cây lâu năm	Chăn nuôi	Lâm nghiệp	Thủy sản	Tổng hợp
Máy cày, máy kéo	512	67	250	88	2	23	82
Ô tô vận tải	92	5	11	54	1	2	19
Ô tô khách	17		8	7			2
Phương tiện vận tải khác	100	14	27	36		4	19
Tàu thuyền	196	2	7			180	7
Máy xay xát	382	5	196	124		22	35
Máy tuốt lúa	52	21	8	10		1	12
Máy chế biến TAGS	183	3	8	125		19	28
Máy bơm nước	4406	216	1646	1872	3	285	384
Xe cải tiến công nông	185	9	117	38		6	15
Máy sấy các loại	72	1	5	59		2	5

Nguồn: Sở NN & PTNT và điều tra 12/2003

Để đáp ứng yêu cầu về qui mô sản xuất, đảm bảo tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm các chủ trang trại đều trang bị và sử dụng máy móc, thiết bị tùy theo loại hình sản xuất của các trang trại.

Về số lượng máy kéo các loại của các trang trại có 512 chiếc, chiếm 10% số lượng máy kéo của tỉnh. Bình quân 21,52 ha đất/ 01 máy kéo so với bình quân của tỉnh là 55 ha/01 máy kéo.

Về số lượng máy bơm nước của các trang trại có 4404 cái, chiếm 2,59% số lượng máy bơm của tỉnh. Bình quân mỗi trang trại đều sử dụng 1,41 máy bơm, cao hơn so với hộ nông dân của tỉnh là 0,58 máy bơm/hộ.

Đối với các trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đều có đầu tư xây dựng chuồng trại, bể nuôi ương hiện đại đạt tiêu chuẩn (chuồng lồng sắt, bể nuôi ương và trang bị các máy tạo khí oxy phục vụ nuôi tôm thịt ...)

Qua đó thấy rằng việc trang bị, sử dụng máy móc, thiết bị của trang trại phục vụ sản xuất kinh doanh có sự vượt trội so với các hộ nông dân của tỉnh, nhằm mục đích giảm thiểu chi phí sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

4.6. Thực Tế Tình Hình Sử Dụng Lao Động Của Các Trang Trại

Bảng : Tình Hình Lao Động Theo Các Loại Hình Trang Trại

Qua số liệu của sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai và điều tra cho thấy:

Các trang trại đã sử dụng 12932 lao động, bình quân 01 trang trại sử dụng 4,15 lao động, thấp hơn so với mức bình quân khu vực Miền Đông (10 lao động/01 trang trại) và cả nước (6,5 lao động/ trang trại). Điều này phản ánh phần lớn các trang trại ở Đồng Nai đã đi vào sản xuất ổn định, sử dụng nhiều máy móc thay thế lao động thủ công, đồng thời phát triển các loại trang trại sử dụng ít lao động phổ thông như trang trại nuôi trồng thủy sản, trang trại đặc thù, trang trại chăn nuôi,....

Về phân loại sử dụng lao động trong các trang trại ta thấy rằng: các trang trại đã sử dụng tối đa lượng lao động trong gia đình 7671 người, chiếm 59,32% tổng số lao động các trang trại. Bình quân 1 trang trại sử dụng 2,46 lao động gia đình. Số lao động thuê ngoài là 5261 lao động, chiếm 40,68% tổng số lao động, bình quân 1 trang trại sử dụng 1,68 lao động. Việc tính toán sử dụng hợp lý được các chủ trang trại đặc biệt quan tâm, nó có ý nghĩa làm giảm chi phí sản xuất.

Loại hình trang trại cây lâu năm sử dụng nhiều lao động nhất 5219 người chiếm 40,36 %, kế đến là chăn nuôi 4476 lao động chiếm 34,61%. Trang trại tổng hợp có 1220 lao động, chiếm 9,43%. Trang trại thủy sản chiếm 7,68%. Trang trại cây hàng năm chiếm 7,64%.

Sử dụng lao động thấp nhất là trang trại lâm nghiệp có 36 người, chiếm 0,28% .

Như vậy việc sử dụng lao động nhiều hay ít phụ thuộc vào tính chất sản xuất của các loại hình trang trại và khả năng sử dụng máy móc, thiết bị của trang trại.

Về phân loại sử dụng lao động:

_ Lao động gia đình: Loại hình trang trại cây lâu năm sử dụng 3125 lao động chiếm tỷ trọng 40,74%, bình quân 1 trang trại sử dụng 2,68 lao động. Trang trại chăn nuôi sử dụng 2957 lao động chiếm 38,55%, bình quân 1 trang trại sử dụng 2,29 lao động. Sử dụng lao động gia đình thấp nhất là trang trại lâm nghiệp có 21 lao động, chiếm tỷ trọng 0,27%.

_ Lao động thuê thường xuyên có 3473 lao động. Trong đó trang trại chăn nuôi thuê với số lượng nhiều nhất là 1181 lao động. Trang trại cây lâu năm sử dụng 1080 lao động chiếm 31,1% và sử dụng lao động thuê thường xuyên thấp nhất là trang trại trồng cây hàng năm 9,33% và lâm nghiệp là 0,35%.

_ Lao động thời vụ có 1788 lao động: trang trại sử dụng thuê lao động thời vụ nhiều nhất là trang trại cây lâu năm với 1014 lao động chiếm 56,72%. Kế đến là trang trại cây hàng năm thuê 338 lao động thời vụ, chiếm 18,92%. Sử dụng lao động thuê thời vụ thấp nhất là trang trại thủy sản 60 lao động chiếm 3,34%, trang trại lâm nghiệp 3 lao động chiếm 0,16%.

Về lao động có kỹ thuật của các trang trại có 936 người(7,23% tổng số lao động). Trong đó trang trại cây lâu năm do tính sản xuất đòi hỏi kỹ thuật cao nên đã sử dụng nhiều lao động kỹ thuật 366 lao động, chiếm 7,01%. Kế đến là trang trại chăn nuôi, thuê 310 lao động, chiếm 6,92%. Sử dụng lao động kỹ thuật thấp nhất là trang trại lâm nghiệp 3 lao động, chiếm 8,33%.

Nói chung, phần lớn các trang trại đều có ý thức khai thác và sử dụng hợp lý lao động để đạt hiệu quả cao nhất. Trên cơ sở tận dụng tối đa lao động gia đình là chủ yếu và thuê mướn khi cần thiết. Thể hiện rõ nhất là các trang trại trồng cây lâu năm, trang trại chăn nuôi, tổng hợp. Tuy nhiên lao động có kỹ thuật làm việc trong các trang trại vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp 7,23%. Đây là vấn đề khó khăn trong việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất của các trang trại.

4.7. Thực Trạng Thu Nhập Của Lao Động Thuê Ngoài Ở Các Trang Trại

Bảng 4.9: Thu Nhập Của Lao Động Thuê Ngoài Ở Các Trang Trại

Loại hình trang trại	Tổng số lao động (người)	Trong đó		Thu nhập của LĐ thuê ngoài (1000 đ)	Thu nhập b/q 1 năm của LĐ thuê ngoài (1000 đ)
		Lao động của trang trại(người)	Lao động thuê ngoài (người)		
	1	2	3 = 1 - 2	4	5 = 4/3
Cây hàng năm	988	443	545	4.374.552	8027
Cây lâu năm	5219	3125	2093	19.342.278	9237
Chăn nuôi	4476	2957	1519	15.448.344	9953
Lâm nghiệp	36	21	15	123.732	8249
Thủy sản	994	533	461	5.037.347	10927
TT tổng hợp	1220	592	628	6.175.752	9834
Tổng cộng	12933	7611	5262	50.502.005	9597

Nguồn: Sở NN & PTNT và điều tra 12/2003

Sự hình thành và phát triển của các trang trại không những giải quyết việc làm cho 7671 lao động gia đình chủ trang trại mà còn tạo việc làm và thu nhập cho 5262 lao động của các địa phương trong tỉnh. Tùy theo tính chất và điều kiện sản xuất của các trang trại để trả thù lao cho người lao động.

Về hình thức trả tiền công là thỏa thuận bằng miệng giữa hai bên chủ trang trại và người làm thuê. Tùy theo loại lao động để trả tiền công theo ngày, theo tháng, vụ mùa và trả bằng tiền mặt.

Qua điều tra cho thấy: Tiền công bình quân của 01 tháng của một lao động làm thuê ở mức từ 670.000 – 910.000 đồng/người/tháng. Với mức thu nhập bình quân 9,5 triệu đồng/1 lao động/1 năm của lao động làm thuê trong các trang trại thì cao hơn 2,1 lần thu nhập bình quân của 01 lao động nông nghiệp thuần túy trong tỉnh.

4.8. Kết Quả Và Hiệu Quả Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh Của Trang Trại

Kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một số trang trại tiêu biểu được thể hiện trong bảng sau đây:

Bảng: Kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một số trang trại tính trên 01 ha

Hiệu quả hoạt động kinh doanh của các trang trại rất khác nhau. Điều này lệ thuộc rất nhiều vào giá cả sản phẩm bán ra trên thị trường. Giá cả các sản phẩm của trang trại biến động rất mạnh. Trong những năm gần đây, giá cả cafe đã giảm xuống 60 - 70%, giá các trái cây giảm 40 - 50%. Đây là khó khăn, thách thức lớn đối với các trang trại cây công nghiệp và cây ăn quả, mà các trang trại này chiếm số lượng lớn trong các loại hình trang trại của tỉnh Đồng Nai.

Không phải tất cả các trang trại đều thành công và kinh doanh có hiệu quả, mà còn có khoảng 10% (ước tính) số trang trại trong vùng làm ăn thua lỗ và một số trang trại chưa đạt hiệu quả cao.

4.9. Đánh Giá Những Mặt Tích Cực Và Những Khó Khăn, Hạn Chế Đến Sự Phát Triển Kinh Tế Trang Trại Tỉnh Đồng Nai

4.9.1. Tác Động Tích Cực Của Kinh Tế Trang Trại Tỉnh Đồng Nai

4.9.1.1. Kinh Tế Trang Trại Tỉnh Đồng Nai Đã Thúc Đẩy Tình Hình Sử Dụng Đất Đai Có Hiệu Quả Hơn

Quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất của các trang trại chủ yếu là do tự khai phá, một phần do Nhà nước giao quyền sử dụng đất, giao khoán đất, đấu thầu thuê đất. Một số đáng kể trang trại hoạt động trên cơ sở đất đai mua lại của chủ cũ đã khai phá trước đây và một phần do các tập thể, cá nhân quản lý không hiệu quả giao lại hoặc sang nhượng lại. Sau khi Nhà nước cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã tạo điều kiện tích tụ ruộng đất để hình thành kinh tế trang trại nên không có yêu cầu giải quyết việc tranh chấp đất đai, cũng không có yêu cầu giải quyết việc nông dân mất đất do quá trình phát triển kinh tế trang trại. Các trang trại đã tích cực đi đầu hưởng ứng chương trình phủ xanh đất trống, đồi trọc, khai phá đất hoang, đất mặt nước để đưa vào sử dụng 681,38 ha (chiếm 14,11% tổng diện tích đất đai trang trại). Đồng thời nhận thầu, nhận khoán đất đai của Nhà nước, của các nông, lâm trường để đầu tư phát triển trang trại đem lại hiệu quả kinh tế (diện tích 987,97 ha, chiếm 20,46% diện tích trang trại).

Nhìn chung, các trang trại đã đầu tư thâm canh sử dụng và khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được của các trang trại trên cùng một đơn vị diện tích có thu nhập vượt trội so với hộ nông dân trên địa bàn.

Thể hiện rõ nhất là các trang trại đã sử dụng ưu thế về đất đai để tập trung phát triển các loại cây công nghiệp, cây ăn trái có giá trị kinh tế cao: như cây tiêu 1032 ha (chiếm 9,36% diện tích đất trồng trọt của trang trại), cây ăn trái (nhãn, xoài, sầu riêng, bưởi...) 2508,68 ha chiếm 22,75% diện tích đất trồng trọt của trang trại.

4.9.1.2. Kinh Tế Trang Trại Tỉnh Đồng Nai Đã Khai Thác Được Lượng Vốn Hiện Có Trong Dân Để Phát Triển

Các chủ trang trại đã huy động được nguồn vốn đáng kể để hình thành và phát triển trang trại. Với số vốn đầu tư 981 tỷ đồng để phát triển trang trại, thì số vốn tự có của chủ trang trại chiếm 88,78%, đây là yếu tố quyết định đảm bảo duy trì và phát triển trang trại trong thời gian qua. Ngoài ra các trang trại cũng huy động vay từ họ hàng, người thân số tiền 13 tỷ đồng (chiếm 1,39%), vay ngân hàng 96 tỷ (chiếm 9,9%).

Như vậy, vốn chủ yếu để hình thành, phát triển trang trại được huy động chủ yếu từ chính gia đình chủ trang trại và họ hàng, người thân, vốn Nhà nước hỗ trợ. Vốn vay ngân hàng có huy động nhưng không đóng vai trò quyết định.

4.9.1.3. Kinh Tế Trang Trại Tỉnh Đồng Nai Đã Góp Phần Giải Quyết Công Ăn, Việc Làm Và Lao Động Xã Hội, Tăng Thu Nhập

Các trang trại đã tận dụng mọi nguồn lao động, trước hết là lao động trong gia đình là chính, để quản lý và lao động trực tiếp trong các trang trại. Trong tổng số lao động đã sử dụng 12932 người, thì lao động trong gia đình là 7671 người, chiếm 59,31%. Đồng thời thuê từ 1 – 2 lao động thường xuyên và lao động thời vụ để làm việc trong trang trại. Đây là việc làm có ý nghĩa góp phần giải quyết lao động tại chỗ và tăng thu nhập cho bộ phận nông dân tại các địa phương, giảm bớt áp lực lao động không có việc làm đổ về thành phố.

4.9.1.4. Kinh Tế Trang Trại Đã Góp Phần Chuyển Dịch Cơ Cấu Kinh Tế Trong Nông Nghiệp Nông Thôn Tỉnh Đồng Nai

Các trang trại hình thành và phát triển trên cơ sở dựa vào điều kiện tự nhiên về đất đai, truyền thống sản xuất của các vùng để phát huy tối đa hiệu quả đầu tư. Các Chủ trang trại đã mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng công nghệ mới trong trồng trọt, chăn nuôi để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao. Sự phát triển tập trung của một số loại hình trang trại tại các địa phương bước đầu đã góp phần hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của tỉnh. Số lượng trang trại chăn nuôi tăng từ 619 trang trại ở năm 2000 lên 1290 trang trại ở năm 2003. Trang trại cây lâu năm tăng từ 609 trang trại ở năm 2000 lên 1168 trang trại ở năm 2003.

4.9.2. Những Khó Khăn, Hạn Chế Đến Sự Phát Triển Kinh Tế Trang Trại Tỉnh Đồng Nai

4.9.2.1. Vấn Đề Thị Trường Và Giá Cả Tiêu Thụ Nông Sản Phẩm

Mong muốn của chủ trang trại không phải chỉ là những mùa bội thu, mà điều chủ yếu đối với họ chính là thu nhập có được từ việc bán các sản phẩm thu hoạch. Khi nông nghiệp chuyển từ giai đoạn tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa thì người sản xuất bắt đầu phải đối phó với những khó khăn thường xuyên của cơ chế thị trường. Do đó, thị trường có vai trò tác động rất lớn đến hiệu quả của quá trình sản xuất.

Hình thức tiêu thụ nông sản phẩm của các trang trại hiện nay chủ yếu là bán cho các thương lái và bán tươi. Do lực lượng tư thương là lực lượng chính trong tiêu thụ và do ảnh hưởng của cơ chế thị trường nên giá nông sản thường biến động rất nhiều.

Hơn nữa, một trong những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp là có tính thời vụ, đặc điểm này gây ra sự biến động của giá cả thị trường theo mùa vụ. Giữa mùa thu hoạch chính và mùa thu hoạch phụ có sự chênh lệch giá cả rất lớn. Ngoài ra, chất lượng của nông sản phẩm cũng là yếu tố ảnh hưởng đến biến động của giá cả nông sản phẩm. Đối với một số loại cây ăn quả, do phần lớn các trang trại không có khả năng tồn trữ hay bảo quản hoặc chế biến nên thường bị ép giá, phải bán nhanh, bán vội cho thương lái để thu hồi vốn ngay.

Diễn biến tình thế biến động giá cả sản phẩm mù cao su năm (1998 - 1999) hoặc cafe (1998 - 1999) và mía đường (nhiều năm qua) và hạt điều đã làm cho các trang trại không yên tâm sản xuất, ngần ngại đầu tư chăm sóc vườn cây, bỏ phế hoặc chặt bỏ vườn cây.

Biến động giá cả một số nông sản phẩm của trang trại được thể hiện trong bảng sau đây:

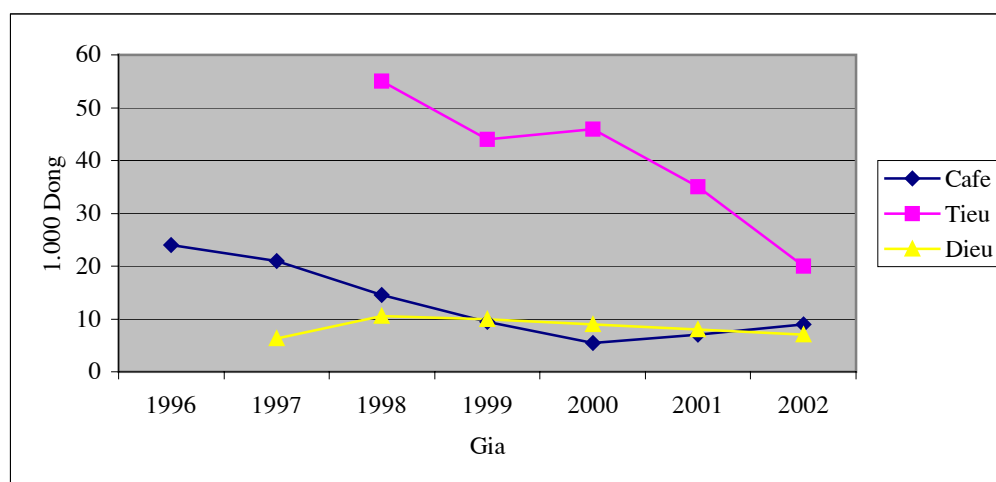
Bảng 4.11: Biến Động Giá Cả Một Số Nông Sản Phẩm Của Trang Trại

ĐVT: 1.000 đồng

Sản phẩm	Năm						
	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002
Cafe	24,0	21,0	14,5	9,5	5,5		9,0
Tiêu			55,0	44,0	46,0	35,0	20,0
Điều		6,3	10,6	14,0	9,0		7,0

Nguồn: Điều tra

Đồ thị 1: Biến Động Giá Cả Một Số Sản Phẩm Của Trang Trại



Tóm lại, vấn đề giá cả và thị trường tiêu thụ đã và đang tác động không thuận lợi rất lớn đến khả năng sản xuất nông sản của các trang trại và thường gây nhiều thiệt thòi cho nông dân.

4.9.2.2. Vấn Đề Về Vốn Sản Xuất Kinh Doanh

Hiện nay nhu cầu về vốn của các trang trại là rất lớn, có khoảng 90% các chủ trang trại có nhu cầu vay vốn với mức bình quân từ 40-50 triệu đồng/ năm/ trang trại để đầu tư phát triển hoạt động của trang trại, nhưng khả năng tự thân của các trang trại còn nhiều hạn chế.

Thiếu vốn đang hiện là vấn đề bức xúc đối với các trang trại và là vấn đề thời sự trong nông thôn hiện nay. Thiếu vốn các chủ trang trại không thể đầu tư phát triển chiều sâu.

Các chủ trang trại rất cần các nguồn vốn vay khác. Mặc dù ngân hàng Nhà nước đã có quyết định cho các trang trại nông lâm vay đến 20 triệu, các trang trại nuôi trồng thủy sản vay dưới 50 triệu đồng không phải thế chấp, song để vay được số tiền đó về mặt thủ tục gặp nhiều khó khăn.

Nhiều trang trại theo cách làm của mình là đầu tư rải đều, kết hợp trồng cây lâu năm với trồng xen cây ngắn ngày và chăn nuôi để lấy ngắn nuôi dài, tạo tích lũy dần để đầu tư mở rộng qui mô diện tích, qui mô sản xuất.

Một số trang trại phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hoặc sang nhượng, cho thuê bớt diện tích, hoặc bỏ phế để tập trung đầu tư kỹ thuật, nâng cao chất lượng cho phần diện tích còn lại.

4.9.2.3. Vấn Đề Về Lao Động Trong Các Trang Trại

Hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại phụ thuộc rất lớn vào số lượng và chất lượng của người lao động trong mỗi trang trại. Đối với chủ trang trại (lao động quản lý trang trại), thực tế cho thấy thành phần của chủ trang trại chủ yếu là nông dân. Tuy có nhiều kinh nghiệm thực tế nhưng thiếu kiến thức kỹ thuật, thiếu kiến thức tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn trong nền kinh tế thị trường.

Chủ trang trại chưa lường hết những khó khăn, trở ngại trong quá trình quản lý và tổ chức sản xuất trong điều kiện kinh tế thị trường như:

- Thiếu kinh nghiệm trong tổ chức quản lý và điều hành.

- Quy mô sản xuất quá tầm, thiếu vốn, thiếu đầu tư kỹ thuật trong khâu cây, con, giống, phân bón và phòng trừ dịch hại.
- Thiếu thông tin về giá cả thị trường tiêu thụ nông sản phẩm.
- Thiếu chủ động trong liên kết, hợp tác.
- Chủ trang trại chưa xác định phương hướng sản xuất và phương thức tiến hành sản xuất phù hợp với đặc trưng và yêu cầu của đối tượng sản xuất và chưa gắn với thị trường.

Về lao động sản xuất, bao gồm: Lao động gia đình và lao động làm thuê. Đối với số lao động này, phần lớn là lao động phổ thông, số ít có kinh nghiệm thực tiễn nhưng thiếu kiến thức về kỹ thuật chuyên môn.

4.9.2.4. Vấn Đề Ứng Dụng Tiến Bộ Khoa Học Kỹ Thuật-Công Nghệ Trong Sản Xuất

Chủ trang trại biết ứng dụng thành công nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ để làm tăng giá trị sản phẩm hàng hóa làm ra, tăng hiệu quả kinh doanh và tạo sức cạnh tranh ngày càng cao trên thị trường trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, trình độ khoa học kỹ thuật của nhiều chủ trang trại còn rất hạn chế. Đa phần các giống cây trồng vật nuôi được các chủ trang trại sử dụng vẫn chưa tạo ra năng suất vượt trội, chất lượng ổn định, giá cả các loại vật tư nông nghiệp, thức ăn cho chăn nuôi, thuốc thú y, bảo vệ thực vật..., các trang trại vẫn mua ngoài với giá cao, kém chất lượng, làm tăng giá thành sản phẩm.

4.9.2.5. Vấn Đề Qui Hoạch Và Xây Dựng Kết Cấu Hạ Tầng Cơ Sở

Sự hình thành và phát triển của một số loại hình trang trại tự phát, thiếu sự qui hoạch đã gây ảnh hưởng ô nhiễm môi sinh, môi trường và qui hoạch chung như: Chăn nuôi heo gây ô nhiễm môi trường ở Tp. Biên Hòa, nuôi cá bè gây ô nhiễm nguồn nước hồ Trị An... Do đó cần phải tăng cường sự quản lý và quy hoạch đối với các loại hình trang trại này trong thời gian tới.

Hệ thống kết cấu hạ tầng cơ sở ở những vùng kinh tế trang trại đang phát triển đa số còn yếu kém, nhất là mạng lưới giao thông, thủy lợi, điện,... đã làm hạn chế rất lớn đến điều kiện sản xuất cũng như đời sống sinh hoạt của các trang trại, gây trở ngại cho việc lưu thông và vận chuyển hàng hóa, vật tư, làm tăng chi phí sản xuất, làm tăng gánh nặng cho các trang trại. Do đó sản phẩm làm ra đang mâu thuẫn với khả năng vận chuyển, chế biến và tiêu thụ.

4.9.2.6. Vấn Đề Về Công Nghệ Chế Biến Sản Phẩm Và Sau Thu Hoạch

Công nghệ chế biến sau thu hoạch cũng chưa được các chủ trang trại quan tâm đầu tư thỏa đáng nhằm tăng giá trị của sản phẩm. Thực tế có một ít trang trại trên địa bàn có làm công việc chế biến, nhưng qui mô nhỏ bé, công nghệ thô sơ, hiệu quả thấp. Còn công tác bảo quản nông sản phẩm ở nông thôn thì thô sơ, chưa phát triển. Nhiều trang trại chưa có nhà kho để bảo quản nông sản phẩm làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nông sản phẩm.

4.10. Quan Điểm, Định Hướng Và Giải Pháp Phát Triển Kinh Tế Trang Trại Tỉnh Đồng Nai

4.10.1. Quan Điểm

- Tiếp tục thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với kinh tế trang trại đã được nêu trong Nghị quyết TW.VI (lần 1) khóa VIII, Nghị quyết 03/CP của Chính phủ, kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong nông, lâm, ngư nghiệp ở nông thôn, được hình thành và phát triển chủ yếu trên nền tảng kinh tế hộ gia đình. Sự hình thành và phát triển kinh tế trang trại là sự phát triển tất yếu của kinh tế hộ.

- Khuyến khích mọi cá nhân, hộ gia đình trong và ngoài tỉnh phát triển kinh tế trang trại nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho trang trại và người lao động.

- Phát triển các loại hình trang trại theo đúng quy hoạch, góp phần hình thành các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Đồng Nai.

- Thực hiện tốt vai trò quản lý Nhà nước đối với kinh tế trang trại, có những chính sách và giải pháp đồng bộ vừa mang tính chất kinh tế, vừa mang tính chất xã hội, khuyến khích làm giàu chính đáng của chủ trang trại và đảm bảo quyền lợi của người lao động làm thuê, hạn chế phân hóa giàu nghèo.

4.10.2 Định hướng chiến lược phát triển

Qua đánh giá hiện trạng, những mặt tích cực, những mặt khó khăn, hạn chế, đồng thời kết hợp phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, rủi ro của trang trại thông qua ma trận SWOT là cơ sở quan trọng để đưa ra các định hướng phát triển trang trại.

Kết quả phân tích ma trận SWOT được trình bày trong bảng sau đây

Bảng 4.12: Ma Trận SWOT Của Trang Trại Tỉnh Đồng Nai

<p>SWOT</p>	<p>(O) Những cơ hội bên ngoài.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chính sách đổi mới phát triển nông nghiệp của chính phủ. 2. Chủ trương chính sách từ trung ương đến địa phương đều khuyến khích phát triển kinh tế trang trại. 3. Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá, nền kinh tế thị trường đang dần tiến đến hoàn chỉnh. Trong khi đó thị trường nông nghiệp đầu ra chủ yếu là hàng hoá. 4. Dân số ngày một tăng lên, nên nhu cầu về lương thực thực phẩm ngày càng cao. 5. Công nghệ sinh học ngày càng phát triển tạo ra nhiều giống mới có năng suất cao, trong khi Đồng Nai là khu vực dễ tiếp cận với những tiến bộ khoa học kỹ thuật. 6. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn ổn định. 	<p>(T) Những đe dọa bên ngoài.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giá cả nông sản biến động có xu hướng bất lợi cho các trang trại. 2. Chịu sự cạnh tranh gay gắt của các trang trại trong và ngoài nước. 3. Thị trường nông sản phức tạp không ổn định. 4. Áp lực từ phía khách hàng. 5. Áp lực từ sản phẩm thay thế. 6. Là ngành kinh doanh bị cạnh tranh từ nhiều phía. 7. Do sử dụng nhiều phân bón vô cơ, thuốc hoá học nên sức sản xuất của đất càng bị cạn kiệt, thoái hoá, làm cho chi phí đầu vào ngày càng tăng cao. 7. Nguồn cung ứng đầu vào chưa được kiểm soát chất lượng. 8. Nạn ô nhiễm môi trường nước do các chất thải ra từ khu công nghiệp, gây khó khăn cho cây trồng và vật nuôi. 9. Nạn phá rừng, gây hạn hán lũ lụt. 10. Nguy cơ manh mún đất đai ngày càng cao. 11. Dịch bệnh và sâu bệnh trên cây trồng và vật nuôi làm giảm năng suất.
-------------	--	---

<p>(S) Những điểm mạnh bên trong</p> <p>Nguồn lao động dồi dào</p> <ol style="list-style-type: none"> Điều kiện tự nhiên: Khí hậu, thổ nhưỡng, nguồn nước thích hợp cho sự phát triển cây trồng, vật nuôi Đồng Nai là khu vực có vị trí thuận lợi về giao thông, là tỉnh có sự tiêu thụ nông sản lớn nhất cả nước. Được sự quan tâm sâu sắc của các cấp lãnh đạo địa phương. Việc phát triển công nghệ chế biến và tiếp cận những tiến bộ khoa học kỹ thuật gặp nhiều thuận lợi. Các trang trại có tiềm năng vốn lớn, trang trại có sức cạnh tranh trên thị trường. Chủ trang trại là người có ý chí làm giàu và tích lũy được nhiều kinh nghiệm sản xuất. 	<p>Liên kết S-O:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp, tạo ra các kênh phân phối hợp lý. Tận dụng triệt để các cơ hội, các nguồn nhân lực, nguồn tài nguyên sẵn có, tập trung đầu tư các loại hình, các sản phẩm chủ lực để tăng khả năng cạnh tranh Tiếp tục triển khai các chủ trương, chính sách và chuyển giao công nghệ cho các trang trại. 	<p>Liên kết S-T:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đầu tư đúng hướng và theo chiều sâu nhằm tạo ra các sản phẩm có ưu thế cạnh tranh đạt chất lượng. Tăng cường công tác khuyến nông và thông tin về thị trường để các trang trại kịp thời nắm bắt và vận dụng. Sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên: Đất, nước... nhằm hạn chế thấp nhất các nguy cơ có thể xảy ra như ô nhiễm môi trường, dịch bệnh.
<p>(W) Điểm yếu bên trong.</p> <ol style="list-style-type: none"> Thiếu vốn để đầu tư mở rộng sản xuất. Chưa có sự quy hoạch vùng sản xuất tập trung chuyên cho từng loại sản phẩm phù hợp với điều kiện khí hậu và đất đai trong vùng. Chưa có sự liên minh hợp tác giữa các chủ trang trại. Việc cơ giới hoá trong trang 	<p>Liên kết W-O:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đầu tư đúng mức và hợp lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng kịp thời cho nhu cầu thị trường. Quy hoạch vùng sản xuất tập trung thích ứng cho từng loại hình trang trại để dễ dàng chế biến và tiêu thụ. Đồng thời tăng cường sự liên minh hợp tác giữa các trang 	<p>Liên kết W-T:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thường xuyên mở các lớp tập huấn khuyến nông nhằm chuyển giao công nghệ và kỹ thuật, đồng thời cung cấp thông tin thị trường cho các chủ trang trại. Tăng cường các hình thức hợp tác giữa các trang trại nhằm cùng nhau tháo gỡ các vấn đề khó khăn, trở ngại, đồng thời chống đỡ với các

<p>trại còn thấp</p> <p>5. Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn của các chủ trang trại còn kém. Các chủ trang trại nchi sản xuất theo kinh nghiệm bản thân, chưa có trình độ để lập dự án đầu tư sản xuất, chưa có hồ sơ ghi chép trong trang trại vàø chưa áp dụng triệt để các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.</p> <p>6. Các chủ trang trại ít tham gia các chương trình đào tạo về kinh tế, kỹ thuật và các ngành có liên quan.</p> <p>7. Một số trang trại hoạt động kém hiệu quả</p> <p>8. Công nghệ chế biến còn thô sơ chưa phát triển, chất lượng hàng hoá nông sản còn thấp.</p>	<p>trại.</p>	<p>áp lực từ bên ngoài.</p>
--	--------------	-----------------------------

Từ ma trận SWOT có thể rút ra các định hướng chung sau đây:

1. Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ và đa dạng hóa sản phẩm.
2. Tăng cường đưa những giống mới có năng suất cao, phẩm chất tốt vào sản xuất.
3. Tiếp tục phát huy vai trò của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn trong việc tạo vốn cho các chủ trang trại.
4. Quy hoạch vùng sản xuất tập trung, mở rộng công nghệ chế biến và bảo quản nông sản.
5. Tăng cường mở các lớp tập huấn nghiệp vụ đào tạo chuyên môn kỹ thuật và trình độ quản lý cho các chủ trang trại.
6. Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học vào sản xuất.

4.10.3. Một Số Giải Pháp Phát Triển Kinh Tế Trang Trại Tỉnh Đồng Nai

4.10.3.1. Giải Pháp Về Thị Trường Và Tiêu Thụ Sản Phẩm

Thực tế hiện nay, việc giải quyết đầu ra cho các trang trại trên địa bàn là một vấn đề cần thiết và cấp bách. Vì hầu hết các sản phẩm mà trang trại sản xuất ra chủ yếu bán dưới dạng thô, bị thương lái ép giá... Do đó, các giải pháp phát triển kinh tế trang trại tỉnh Đồng Nai nên ưu tiên giải quyết đầu ra cho các sản phẩm của trang trại.

Việc đưa vấn đề tiêu thụ lên hàng đầu, vì tiêu thụ tạo cho các chủ trang trại một động lực sản xuất, và là nền tảng cho sự phát triển trang trại về lâu dài.

Đối với tỉnh Đồng Nai:

- Cần đảm bảo yếu tố đầu vào qua kí kết hợp đồng, cung ứng một cách kịp thời với giá cả thỏa đáng, tránh tư thương xen vào ép giá, nhằm tăng khả năng cạnh tranh của trang trại.
- Xúc tiến tìm kiếm và giới thiệu thị trường, giá cả nông sản phẩm trong và ngoài nước cho các trang trại, tránh tình trạng ép giá của tư thương ở địa phương.
- Tổ chức các trung tâm khu thương mại để thu mua sản phẩm nông sản của trang trại.

Đối với các Chủ trang trại:

- Tổ chức sản xuất dựa vào nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, của người tiêu dùng. Ký kết các hợp đồng tiêu thụ với khách hàng.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành nâng cao tính cạnh tranh sản phẩm của trang trại.
- Sản xuất kinh doanh của các trang trại gắn liền với quá trình chế biến và tiêu thụ sản phẩm bằng cách kí kết hợp đồng hợp tác với các công ty chế biến - thương mại.

Với hình thức hợp tác này rất thuận lợi cho cả hai bên. Đây là cách chủ động cho cả trang trại và công ty chế biến - thương mại, giảm bớt sự biến động giá cả tiêu thụ.

4.10.3.2. Giải Pháp Về Vốn Sản Xuất Kinh Doanh

Trên thực tế vốn tự có của các trang trại vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư. Vì vậy, bản thân các chủ trang trại cần có những định hướng riêng để giải quyết vấn đề về vốn của mình theo phương thức " lấy ngắn nuôi dài" bằng cách trồng thêm những cây ngắn ngày, hoặc chăn nuôi gia súc gia cầm, từ đó tích lũy vốn đầu tư mở rộng sản xuất.

Chủ trang trại có thể hợp tác trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất như: thủy lợi, giao thông nội đồng, sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản.... để giảm bớt căng thẳng về vốn.

Hình thành tổ chức tương trợ về vốn gồm 10-15 trang trại cùng đóng góp xây dựng một quỹ chung trích ra từ mỗi vụ thu hoạch, khi trang trại nào có nhu cầu thì có thể mượn quỹ chung này.

Cải tiến quan hệ giao dịch vay vốn giữa ngân hàng vay chủ trang trại, làm sao để chủ trang trại có thể vay vốn không cần thế chấp tại ngân hàng, theo quy định của chính phủ. Nên kiểm tra lại phương thức cho vay, tránh thủ tục phiền hà, cung cấp tín dụng với lãi suất ưu đãi cho các trang trại mới thành lập.

Hướng dẫn các chủ trang trại lập các thủ tục xác nhận tài sản, lập dự án vay vốn ngân hàng theo chu kỳ sản xuất, tăng cường cho vay trung và dài hạn với lãi suất hợp lý để các trang trại mở rộng đầu tư theo chiều sâu. Tổ chức xây dựng các quỹ tín dụng nhân dân mà thành viên là có sự tham gia của các chủ trang trại.

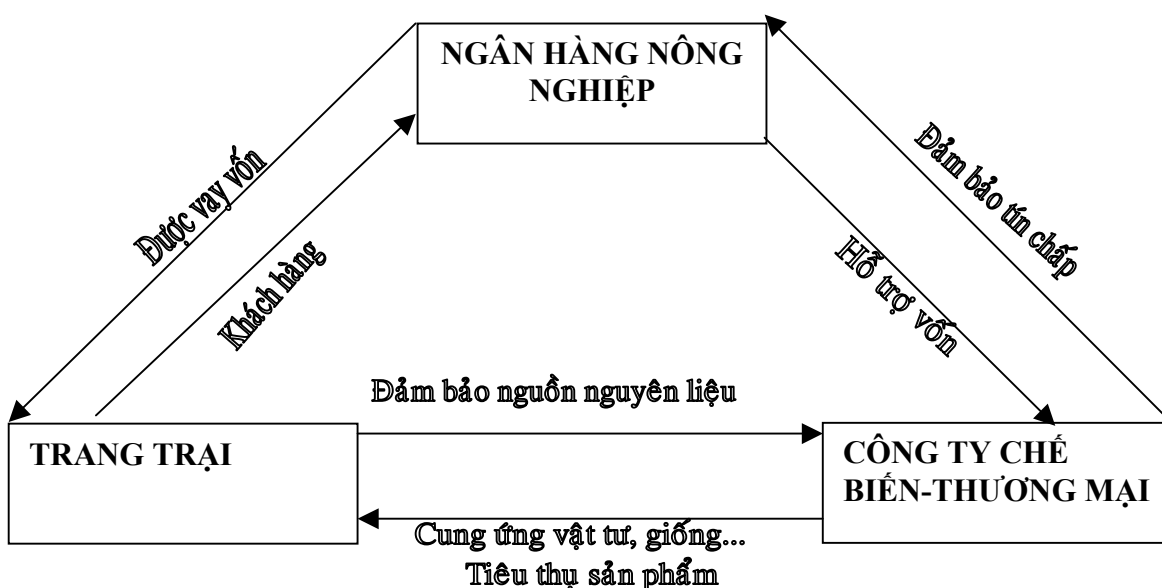
Xây dựng mô hình quan hệ tay ba giữa chủ trang trại, công ty chế biến- thương mại và ngân hàng nông nghiệp. Đây là hình thức cung cấp giống, phân bón phục vụ sản xuất gắn với cho vay vốn sản xuất dựa trên cơ sở xác lập mối quan hệ kinh tế giữa ba đối tác có tính chất pháp lý. Mối quan hệ đó là:

_ Quan hệ giữa Công ty và trang trại là quan hệ cung ứng giống, vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho trang trại.

_ Quan hệ giữa Ngân hàng nông nghiệp và trang trại là quan hệ tín dụng, Ngân hàng ký khế ước cho trang trại vay vốn sản xuất và khi hết hạn vay các trang trại có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo khế ước đã ký.

_ Quan hệ giữa Ngân hàng và Công ty là mối quan hệ thanh toán cho Công ty giá trị vật tư, giống theo hóa đơn giao hàng khi cung cấp cho trang trại với giá phù hợp.

Sơ đồ : Tổ Chức Mối Quan Hệ Tay Ba



Mặt khác nhà nước cần sớm đổi mới những chính sách ưu tiên về vốn, ưu đãi về thuế thích hợp với từng vùng, từng địa phương, từng ngành nghề trong từng thời kì nhất định để khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế trang trại hoạt động và phát triển đúng thực chất và đúng định hướng.

4.10.3.3. Giải Pháp Tăng Cường Đào Tạo, Bồi Dưỡng Kỹ Thuật, Nghiệp Vụ Và Quản Lý Cho Các Chủ Trang Trại Và Người Lao Động Trong Trang Trại

Nhân tố con người là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Từ thực trạng phân tích trên, để cho kinh tế trang trại phát triển và mang lại hiệu quả cao, rất cần thiết phải đặt vấn đề tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho các chủ trang trại và những người lao động trong các trang trại.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho các Chủ trang trại những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức và quản lý sản xuất, về cách tiếp cận với kinh tế thị trường, tiếp cận với khoa học kỹ thuật- công nghệ mới,...đồng thời đối với những người lao động trong các trang trại cũng phải được huấn luyện, bồi dưỡng, đào tạo họ trở thành những lao động có kỹ thuật và có tay nghề vững vàng.

4.10.3.4. Giải Pháp Về Quy Hoạch Và Xây Dựng Cơ Sở Hạ Tầng

Tiến hành thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế trang trại nhằm đưa kinh tế trang trại phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn của tỉnh, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, gắn sản xuất với chế biến khắc phục tình trạng phát triển tự phát, hiệu quả thấp, kém bền vững của các trang trại, thực hiện khai thác có hiệu quả tài nguyên đất đai, nguồn nước, lao động, vốn và các tiềm năng kinh tế khác, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Trên cơ sở qui hoạch vùng sản xuất nông nghiệp, Nhà nước cần đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng ở nông thôn nhằm giúp cho các trang trại khắc phục được những khó khăn trở ngại.

Nhà nước xây dựng các cụm kinh tế, văn hóa với hệ thống cơ sở hạ tầng trường học, trạm y tế, nông thôn...

Xây dựng các hồ nước, các trạm bơm phục vụ cho việc tưới tiêu vào mùa khô nhằm đảm bảo năng suất cây trồng cho các trang trại.

Xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng để dẫn nước đến các vùng sản xuất khô hạn ở các huyện trên địa bàn.

Mở rộng và nâng cấp đường giao thông nông thôn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các trang trại chuyển hàng hóa đến nơi tiêu thụ.

Mở rộng mạng lưới điện nông thôn nhằm nâng cao tỷ lệ sử dụng điện tối đa đạt 100% để phục vụ cho nhu cầu tưới tiêu của các trang trại.

Khuyến khích các Chủ trang trại đóng góp nhiều hơn vào quỹ đầu tư và phát triển nông thôn, theo chủ trương: “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

4.10.3.5. Giải Pháp Đẩy Mạnh Công Tác Chuyển Giao Và Ứng Dụng Tiến Bộ Khoa Học, Kỹ Thuật, Công Nghệ Vào Sản Xuất

Để làm được điều này, rất cần được sự hỗ trợ của Nhà nước, các cơ quan nghiên cứu, các Viện, các Trường, các cơ quan khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư,... Nhà nước cần có cơ chế thích hợp trong việc thực hiện chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ mới phù hợp cho các trang trại, thúc đẩy nhanh việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Đầu tư nghiên cứu khoa học và đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp, để tăng năng suất và chất lượng giống cây trồng, vật nuôi. Tăng cường công tác kỹ thuật phục vụ sản xuất, phục vụ các trang trại như khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y,... để thực hiện việc hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp, phòng trừ sâu bệnh, phục vụ tưới tiêu,... đến các trang trại.

Xây dựng mối liên kết, hợp đồng giữa các trang trại với nhà khoa học. Nhà khoa học nghiên cứu, chế tạo máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu lai tạo giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật canh tác làm tăng năng suất, tăng hàm lượng chất xám trong các sản phẩm cho các trang trại. Các trang trại tạo môi trường cho nhà khoa học nghiên cứu và thực nghiệm. Mối liên kết này được thực hiện thông qua hợp đồng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất.

4.10.3.6. Giải Pháp Về Mở Rộng Công Nghệ Chế Biến Và Bảo Quản Nông Sản

Từ định hướng ưu tiên phát triển nông nghiệp trong giai đoạn tới, khoa học và công nghệ cần tập trung vào công nghệ chế biến và bảo quản với qui mô thích hợp. Công nghệ chế biến và bảo quản làm tăng giá trị hàng hóa nông sản, mang lại hiệu quả kinh tế cao, còn giải quyết được lao động cho lực lượng dư thừa, đồng thời giải quyết được vấn đề thị trường tiêu thụ nông sản phẩm cho các trang trại.

Đẩy mạnh việc triển khai công nghệ sau thu hoạch, qui hoạch công nghiệp chế biến như chế biến hạt điều. Xây dựng các cơ sở giết mổ chế biến sản phẩm gia súc, gia

cầm...Chọn hướng phát triển công nghệ chế biến ở những vùng trọng điểm, vùng đã hình thành vùng chuyên canh nguyên liệu sản phẩm nông sản.

Như vậy vấn đề tổ chức lại các vùng nguyên liệu tập trung là rất cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các nhà máy chế biến với qui mô lớn, hiện đại, khu bảo quản chất lượng cao nhằm giải quyết đầu ra cho sản phẩm được tốt hơn.

Tuy nhiên cần chú ý những điểm sau:

_ Qui mô công nghệ phải thích hợp, phù hợp với điều kiện vốn, nguồn nhân lực, phù hợp với cơ sở nguyên liệu của từng vùng, từng loại cây.

_ Đáp ứng nhu cầu của thị trường về số lượng, chủng loại, chất lượng sản phẩm. Đồng thời giải quyết được việc làm cho người lao động, tạo ra sức phát triển bền vững.

4.10.3.7. Giải Pháp Về Đất Đai

Đất đai có vị trí quan trọng hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp. Đây là mối bận tâm lo lắng của những người làm kinh tế trang trại trên địa bàn. Vì vậy, chính sách đất đai của tỉnh cần dựa trên cơ sở khuyến khích sản xuất phát triển. Hoàn thành qui hoạch sử dụng đất đai, đẩy nhanh tiến độ giao quyền sử dụng đất:

_ Cần qui hoạch cụ thể cho từng vùng để định hình phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thích ứng.

_ Nhanh chóng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các chủ trang trại chưa có quyền sử dụng đất, cụ thể là sổ đỏ để họ an tâm sản xuất và tiện lợi cho việc thế chấp vay vốn ngân hàng.

_ Khuyến khích các chủ trang trại khai thác, sử dụng đất hoang, đất trống, đồi núi trọc, mặt nước để phát triển trang trại.

_ Cần khắc phục tình trạng manh mún đất để làm tiền đề chuyển từ sản xuất nông hộ lên sản xuất kinh tế trang trại một cách thuận lợi. Tuy nhiên, không thể áp đặt bằng mệnh lệnh từ trên xuống mà phải theo nguyên tắc tự nguyện. Trước tiên là khuyến khích các trang trại trao đổi đất là chính.

4.10.3.8. Mở Rộng Và Tăng Cường Các Hình Thức Hợp Tác

Sản xuất đơn lẻ, các trang trại sẽ gặp khó khăn khi có sự biến đổi của thị trường cũng như giải quyết nhu cầu vốn và tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy vấn đề hợp tác cùng sản xuất ở các trang trại là giải pháp để giải quyết tốt hơn những khó khăn trên.

Các trang trại nên tổ chức thành các hiệp hội trang trại cùng hỗ trợ nhau về vốn, kinh nghiệm sản xuất, trao đổi thông tin khoa học kỹ thuật, thông tin về thị trường, giá cả...

Phần 5

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết Luận

Xu hướng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh đã (trở thành một thực tế, bước đầu đã khẳng định được vị trí. Đó là một động lực cho sự phát triển nông nghiệp nông thôn. Kết quả ban đầu mà các trang trại đạt được là rất khả quan.

_ Hầu hết các trang trại hoạt động sản xuất kinh doanh đều mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với các hộ nông dân sản xuất khác. Có những trang trại thu nhập lên đến hàng trăm triệu đồng, kinh tế trang trại đã cải thiện được một phần đời sống tinh thần cho nhiều hộ trang trại và đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân. Chỉ một số ít trang trại sản xuất kinh doanh không hiệu quả là do giá cả thị trường chi phối.

_ Kinh tế trang trại tỉnh Đồng Nai đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho nông dân và lao động xã hội, tăng thu nhập. Các trang trại đã tạo được việc làm cho 12932 lao động. Trong đó, 7671 lao động gia đình và 5261 lao động thuê ngoài, đã góp phần làm giảm nghèo cho những người lao động nông thôn không có đất sản xuất.

_ Đồng thời các trang trại đã khai thác được lượng vốn trong dân để phát triển. Với số vốn đầu tư 981590,5 triệu đồng, thì vốn của chủ trang trại chiếm tới 871741 triệu đồng, vốn huy động khác vay từ họ hàng là 13548,9 triệu đồng, vốn vay ngân hàng là 96300,6 triệu đồng, đây là yếu tố quyết định đảm bảo duy trì và phát triển trang trại trong thời gian qua.

_ Bên cạnh đó các trang trại còn trang bị thêm được nhiều máy móc thiết bị và tài sản cố định, hầu hết các trang trại sử dụng máy bơm nước để tưới cà phê, tiêu,... Có khoảng 10% số trang trại cùng góp vốn mua máy móc dùng chung. Cơ giới hoá chủ yếu ở một số khâu làm đất, tưới tiêu,... cho nên năng suất lao động chung chưa cao.

_ Kinh tế trang trại đã thúc đẩy tình hình sử dụng đất đai có hiệu quả hơn. Các trang trại đã tích cực đi đầu hưởng ứng chương trình phủ xanh đất trống, đồi trọc, khai phá đất hoang, đất mặt nước để đưa vào sử dụng 681,38 ha. Đồng thời nhận thầu, nhận khoán đất đai của Nhà nước 987,97 ha để đầu tư phát triển trang trại.

_ Kinh tế trang trại đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp nông thôn. Sự phát triển tập trung của một số loại hình trang trại tại các địa phương bước đầu hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của tỉnh.

Nhìn chung, mô hình trang trại đang là phương thức sản xuất kinh doanh điển hình đối với người dân nông thôn địa phương, là loại hình làm ăn hiệu quả phù hợp với tình hình kinh tế xã hội hiện nay. Song, bước đầu vẫn còn những tồn tại đối với các trang trại như sau:

_ Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn của các chủ trang trại quá thấp, chỉ 32,27 % chủ trang trại học hết cấp 3 và 80,81% không có bằng cấp chuyên môn. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

_ Diện tích đất của các trang trại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn tồn tại 43,82%, chưa đáp ứng với nhu cầu hiện tại.

_ Trong vốn vay sản xuất kinh doanh thì vốn vay từ ngân hàng chỉ 96300,6 triệu đồng trong khi vay tư nhân, anh em, bạn bè là 13548,9 triệu đồng đã làm giảm thu nhập của các chủ trang trại do phải trả lãi suất cao hơn so với lãi suất ngân hàng. Điều này cho thấy các chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chưa phát huy hết khả năng của mình và thời hạn cho vay cũng chưa phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của từng loại hình trang trại.

_ Sự thiếu hụt về vốn đầu tư mở rộng sản xuất, thiếu thông tin thị trường, sự biến động giá cả... đã gây ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của các trang trại.

Tóm lại: Đồng Nai là khu vực hội đủ điều kiện để xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa phát triển trong cơ chế thị trường. Tuy nhiên còn phụ thuộc rất nhiều vào con người và nhất là sự quan tâm sâu sắc của các cấp lãnh đạo nhà nước, các cơ quan địa phương. Đây là điều kiện tiên quyết, thuận lợi nhất để các trang trại phát triển ngày càng vững mạnh.

5.2. Kiến Nghị

Để tạo điều kiện tốt giúp các chủ trang trại hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đồng thời phát triển thêm số lượng trang trại trên toàn tỉnh, có thể xem xét các vấn đề sau:

_ Nhà nước cần xem xét cho vay vốn cho các trang trại với lãi suất ưu đãi, cho vay đúng đối tượng, đúng nhu cầu, đơn giản hóa các thủ tục cho vay và thời hạn cho vay nên dài hơn, phù hợp với thời vụ và chu kỳ sản xuất, để các chủ trang trại chủ động trong kế hoạch đầu tư.

_ Nhà nước giúp đào tạo kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý cho các chủ trang trại và người lao động trong trang trại. Đồng thời cung cấp những thông tin, dự báo thị trường nông sản hàng hoá, hình thành quỹ bảo trợ nông nghiệp có sự tham gia tự nguyện của các chủ trang trại, để bảo hiểm giá cả nông sản, bảo hiểm mùa màng, giảm bớt rủi ro.

_ Nhà nước cần có quy hoạch phát triển chung về trang trại, định hướng cho các trang trại phát triển sản xuất các loại sản phẩm, nông sản có khả năng chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ.

_ Đối với các tiêu chí về trang trại: ngoài các tiêu chí chính về giá trị, được Bộ Nông Nghiệp & PTNT và Tổng Cục Thống Kê quy định, các tiêu chí khác nên giao cho các địa phương xác định, căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương.

_ Nhà nước cần có văn bản hướng dẫn để các cơ quan chức năng tiến hành cấp giấy chứng nhận trang trại cho các gia đình, cá nhân có đủ tiêu chí trang trại, để giúp họ được hưởng các chính sách ưu đãi mà nhà nước quy định.

_ Mỗi quan hệ giữa người lao động làm thuê với chủ trang trại chủ yếu dựa trên sự thỏa thuận bằng miệng giữa 2 bên. Do vậy, Nhà nước cần có những quy định về vấn đề thuê mướn và sử dụng lao động trong các trang trại, để xử lý các vụ việc tranh chấp lao động và trách nhiệm vật chất nếu có xảy ra. Đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của chủ trang trại và người lao động trong các trang trại được pháp luật bảo vệ rõ ràng.